

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
MÃ NGÀNH: 7340122
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG	ii
PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1
1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ	1
1.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế.....	8
2. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH 7340122) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	12
2.1. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Thương mại điện tử.....	12
2.2. Đáp ứng nhu cầu về nhân lực ngành Thương mại điện tử trong nước và ở địa phương	13
2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ.....	14
3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	15
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo.....	15
3.3. Nội dung chương trình đào tạo	17
3.4. Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo	34
3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	38
3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo.....	39
4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	41
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT.....	41
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học.....	63
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên	97
5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	97
5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học	97
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	102
6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO ..	130
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo	130
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở.....	130
7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO	131
7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường	131

7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành	132
7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	134
8. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	135

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1.	BGDĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	CĐR	: Chuẩn đầu ra
3.	CLGD	: Chất lượng giáo dục
4.	CNKT	: Công nghệ kỹ thuật
5.	CNTT	: Công nghệ thông tin
6.	CTĐT	: Chương trình đào tạo
7.	ĐHSD	: Đại học Sao Đỏ
8.	KT-XH	: Kinh tế - xã hội
9.	NCKH	: Nghiên cứu khoa học
10.	THCS	: Trung học cơ sở
11.	THPT	: Trung học phổ thông
12.	TLGD	: Triết lý giáo dục
13.	TMĐT	: Thương mại điện tử

DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG

Hình 1 . Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ.....	7
Hình 2 . Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường.....	7
Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo	17
Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy đào tạo trình độ đại học ngành TMĐT	34
Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần	38
Bảng 4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành TMĐT	43
Bảng 5. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành TMĐT	48
Bảng 6. Danh sách công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy ngành TMĐT	64
Bảng 7. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học	74
Bảng 8. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	87
Bảng 9. Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo TMĐT	99
Bảng 10. Trang thiết bị tại phòng đọc tài liệu điện tử	102
Bảng 11. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần thuộc CTĐT Ngành TMĐT	104
Bảng 12. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình đào tạo ngành TMĐT dự kiến	130

Hải Phòng, ngày 19 tháng 12 năm 2025

**PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông học, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thoả thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: Toàn diện - Sáng tạo - Thích ứng

Toàn diện: Xây dựng nền tảng vững chắc về cả tri thức và nhân cách cho sinh viên; đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sáng tạo: Cung cấp công cụ tư duy, các phương pháp để giải quyết các vấn đề thực tế; đào tạo sinh viên có tính tích cực, chủ động nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật, tìm tòi, ứng dụng cái mới.

Thích ứng: Đào tạo sinh viên có sự linh hoạt, có thể sẵn sàng đáp ứng với mọi môi trường, hoàn cảnh trong nước và quốc tế.

Sứ mạng: Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số, phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức; kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045: Phát triển nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước.

Giá trị cốt lõi: “Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến”.

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên: Nhà trường có 247 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 184 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 49 (chiếm 26,7%); thạc sĩ 135 người (chiếm 73,3%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo các ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thực phẩm hóa học; Công nghệ thông tin; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, may; Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, cán bộ, GV nhà trường đã công bố 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 51 bài trong danh mục tạp chí ISI, Scopus), có 39 bài đăng toàn văn trên các hội thảo quốc tế và trên các tạp chí/hội thảo khoa học trong nước được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm. Tính đến năm 2025, tạp chí NCKH –

Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,25 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hoá, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 25 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hoà Pháp, Liên bang Nga,... Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

1.1.5. Cơ sở vật chất

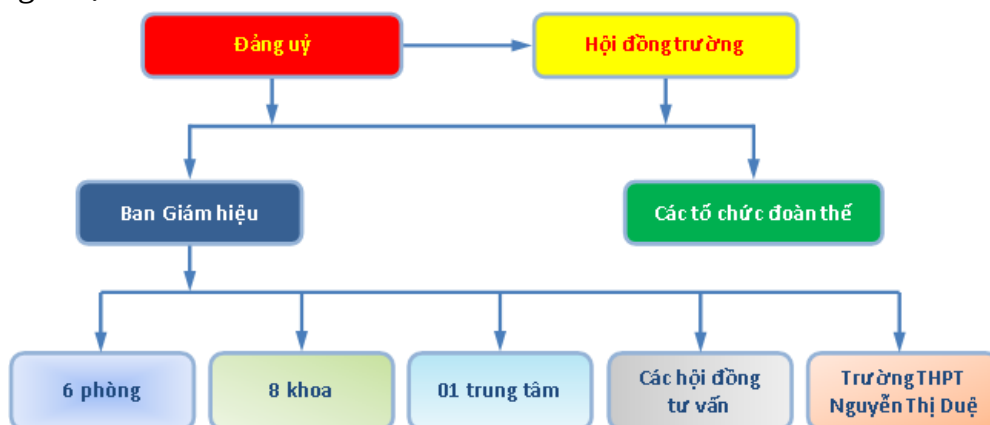
Nhà trường hiện có 02 địa điểm đào tạo tại phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m²; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m². Trong những năm qua, nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên.

Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in. Để phục vụ hoạt động học tập thể chất, nhu cầu thể dục, thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe cho viên chức, giảng viên, sinh viên. Nhà trường đầu tư xây dựng

sân bóng đá cỏ nhân tạo với diện tích 3.300m², 02 sân bóng chuyền da, 03 sân bóng chuyền hơi, 03 sân cầu lông và 01 sân bóng rổ. Nhà thể thao đa năng với diện tích xây dựng 1.080m², được thiết kế 3 tầng với trang thiết bị, dụng cụ hiện đại phục vụ giảng dạy và luyện tập thể chất.

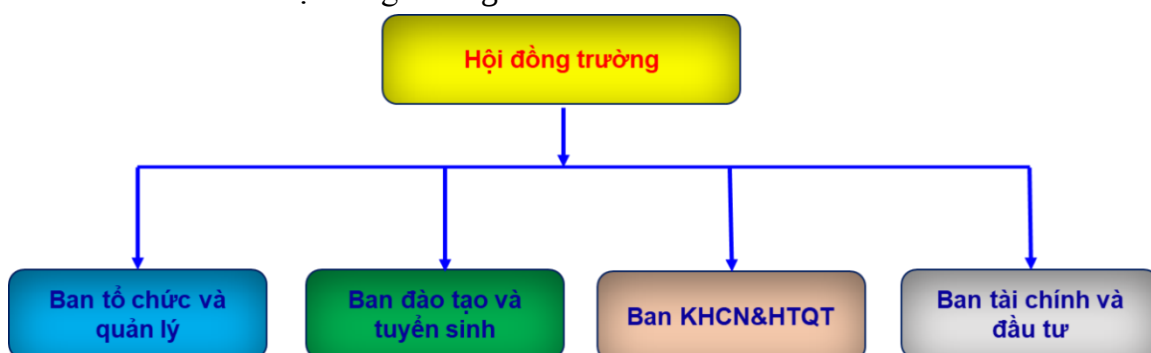
1.1.6. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng uỷ, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 1 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Trường đã có 56 truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng và nhiệm vụ chính của trường là: Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi như sau:



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

Cơ cấu tổ chức của hội đồng trường



Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã trải qua 1/2 thế kỷ xây dựng và phát triển. Trường liên tục đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc và được các cấp khen thưởng, các Bộ ngành tặng thưởng 46 cờ thi đua xuất sắc, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 26 Huân chương, trong đó: 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất, 01 Huân

chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba; 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba,... Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công An, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Cờ, Bằng khen; Ủy ban Nhân dân tỉnh Công nhận danh hiệu Cơ quan văn hóa, đơn vị an toàn về an ninh trật tự... và nhiều phần thưởng khác như Cúp vàng ISO; Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững; Giải thưởng "Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam - VIFOTEC"; năm 2025 Nhà trường đạt trong Top 20 thương Hiệu vàng Việt Nam.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:
- + Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.
- + Tên tiếng Anh: SaoDo University (SDU).
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.
- Địa chỉ:
- + Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- + Cơ sở 2: Km 78, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

- Thông tin liên hệ:

- + Điện thoại: 02203882269; Số fax: 02203882921.
- + Email: info@saodo.edu.vn; Website: http://saodo.edu.vn.

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Thương mại điện tử
- Mã ngành: 7340122
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Phương thức tuyển sinh:
- + Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
- + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

A00 (Toán, Vật Lý, Hóa học)

C04 (Ngữ Văn, Toán, Địa lý)

A09 (Toán, Địa lý, GDKT&PL)

C14 (Văn, Toán, GDKT&PL)

C01 (Ngữ văn, Toán, Vật Lý)

D01 (Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh)

- + Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

1.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế - Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập ngày 13/3/2001, trải qua 24 năm xây dựng và phát triển, tập thể sư phạm khoa đã và đang khẳng định được vai

trò, vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Khoa hiện có 14 GV đang làm việc trực tiếp tại trường và 08 GV đang đi NCS nước ngoài, 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 03 giảng viên là tiến sĩ. Khoa đã cung cấp cho nền kinh tế đất nước hàng ngàn cử nhân kinh tế có chất lượng cao phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

Nhiệm vụ chính của khoa là xây dựng mục tiêu, chương trình, biên soạn giáo trình đào tạo cho các ngành học thuộc bậc đại học gồm ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh. Các ngành đào tạo đều mang tính thực tiễn và ứng dụng cao với chương trình đào tạo linh hoạt, cập nhật theo yêu cầu của thực tế, bên cạnh đó có tăng cường những học phần kỹ năng mềm dành cho sinh viên. Cho đến nay, khoa Kinh tế đã đào tạo được số lượng lớn nhân lực ngành kinh tế, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa đã được xác định rõ ràng, cụ thể sau:

Chức năng: Giúp Hiệu trưởng xây dựng chiến lược đào tạo của Khoa theo định hướng chiến lược chung của Trường; quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của các Bộ môn trực thuộc và các hoạt động khác;

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn về quy mô đào tạo, đội ngũ GV;
- Quản lý mục tiêu, CTĐT của bộ môn thuộc khoa phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực của NH sau đào tạo;
- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH của các Bộ môn trực thuộc. Tạo mối gắn kết giữa các Bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác;
- Tổ chức hoạt động KHCN, phối hợp với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với NCKH, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;
- Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các mối quan hệ trong nước và quốc tế nhằm tăng cường năng lực giảng dạy, NCKH cho GV;
- Điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của các Bộ môn theo chiến lược chung của Nhà trường;
- Tổ chức sắp xếp công việc hợp lý cho GV; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng GV hằng năm;
- Theo dõi, giám sát các Bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV;
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý;
- Tham gia công tác tuyển sinh và các hoạt động khác của Nhà trường;

- Quản lý, đánh giá xếp loại công tác chủ nhiệm lớp theo năm học; tổ chức quản lý NH của khoa; xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật NH theo quy định về phân cấp quản lý;

- Hợp tác với doanh nghiệp; tư vấn, tìm kiếm việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp ra trường;

- Tham gia các hoạt động dịch vụ sản xuất thực nghiệm theo chuyên môn của khoa quản lý;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Những giá trị khác biệt: Đi đầu trong việc đào tạo theo định hướng ứng dụng, đưa các kết quả đào tạo, NCKH vào thực tiễn giảng dạy và sản xuất. Trên 95% người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Về chất lượng đội ngũ GV: Tổng số GV của Khoa tính đến tháng 10/2025 là 22 GV cơ hữu trong đó 14 GV trực tiếp giảng dạy (01 GV kiêm nhiệm là CBQL) và 08 GV là NCS tại nước ngoài. GV có trình độ tiến sĩ là 03 (chiếm 21,43%), còn lại là thạc sĩ. Đội ngũ GV trong khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể giảng viên, sinh viên, Khoa được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Bộ Công thương tặng 5 Bằng khen; Công đoàn Công Thương tặng 10 Bằng khen; Tỉnh đoàn Hải Dương tặng 05 Bằng khen; 01 Nhà giáo ưu tú; 03 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 01 giảng viên được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; 06 giảng viên được Bộ Công Thương tặng Bằng khen; 01 giảng viên nhận Kỷ niệm chương của Bộ Quốc phòng. Hằng năm 100% GV trong khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

Về cơ sở vật chất: Khoa Kinh tế hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong khoa. Khoa hiện có 3 phòng làm việc với tổng diện tích 237m² đạt bình quân 10,8m²/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý 06 phòng thực hành, thực nghiệm với tổng diện tích 420m². Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại phục vụ tốt cho đào tạo như màn hình LCD 60 inch, máy chiếu, máy tính, điều hoà,...

Về đào tạo kỹ năng thực hành thực nghiệm: Trung tâm thực hành, thực nghiệm của Khoa đặt tại tầng 2 nhà A3, trong đó các phòng thực hành, thực nghiệm được đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Về CTĐT: Khoa Kinh tế đào tạo 02 CTĐT trình độ đại học là Quản trị kinh doanh (Quyết định số 2337/QĐ- BGDDT ngày 10/6/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Sao Đỏ đào tạo hệ chính quy trình độ đại học) và Kế toán (Quyết định số 578/QĐ- BGDDT ngày 11/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Sao Đỏ đào tạo hệ

chính quy trình độ đại học).. Trong đó CTĐT ngành Quản trị kinh doanh, đã được Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận số CTĐT2022.06/CEA-AVU&C ngày 10/5/2022 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. CTĐT ngành Kế toán đã được Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận số CTĐT2024.34/CEA-AVU&C ngày 20/11/2024. Các CTĐT trình độ đại học của khoa Kinh tế đã được hiệu chỉnh theo quy định của Nhà trường và thống nhất về mặt cấu trúc với CTĐT của các ngành kinh tế - xã hội khác.

Về NCKH, CGCN: Giai đoạn 2019 - 2025, khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện 01 đề tài cấp Quốc gia, 01 đề tài cấp bộ/tỉnh, 43 đề tài NCKH cấp cơ sở (GV thực hiện 15 đề tài; SV thực hiện 28 đề tài). GV trong Khoa đã công bố 03 giáo trình/sách chuyên khảo, 36 tài liệu học tập, 05 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 67 bài trên tạp chí khoa học trong nước, 02 bài trong hội thảo khoa học ngoài nước và 19 bài trong hội thảo khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa Kinh tế có 13 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

Về hợp tác quốc tế, quan hệ doanh nghiệp

- Hợp tác trong nước: Công ty Cổ phần tập đoàn Hio, Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank), Công ty TNHH Tôn Thép Minh Anh, Tập đoàn Flamingo - Flamingo Đại Lải, Công ty Cổ phần cơ khí và xây dựng Sao Đỏ,... Thông qua hợp tác với doanh nghiệp để giúp NH ngành KT có điều kiện học tập, thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn, thực hành nghề nghiệp cho NH, từ đó mở thêm cơ hội việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp.

- Hợp tác quốc tế: Khoa Kinh tế đã đón tiếp đoàn khách quốc tế đến thăm quan, làm việc về hợp tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ như Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA; Trường Đại học Hankuk (Hàn Quốc); học viện Nhật ngữ Quốc tế Kobe (Nhật Bản),... Thông qua hoạt động này bước đầu để người học, GV có cơ hội được thực tập trải nghiệm và trao đổi học thuật.

Cơ sở vật chất của Khoa được Nhà trường trang bị hiện đại, đáp ứng cho người học có môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất như: phòng thực hành Kế toán; Quản trị kinh doanh; Kinh tế số; Thương mại điện tử; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng với các phương tiện, thiết bị hiện đại phục vụ cho việc nâng cao kiến thức và kỹ năng đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế. CTĐT các ngành của Khoa luôn được hiệu chỉnh hằng năm để phù hợp với yêu cầu phát triển của doanh nghiệp, xã hội.

Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường Đại học Sao Đỏ, Khoa Kinh tế là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có uy tín, chất lượng. Hàng năm, Khoa cung cấp cho xã hội một lực lượng đông đảo các cử nhân, đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển KT - XH của đất nước và địa phương.

2. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH 7340122) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

2.1. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Thương mại điện tử

Thương mại điện tử (TMĐT) là một trong những trụ cột quan trọng của kinh tế số, đóng vai trò cầu nối trực tiếp giữa công nghệ số và các hoạt động kinh doanh, thương mại. TMĐT không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giao dịch, tối ưu hóa chi phí và thời gian, mà còn mở ra cơ hội phát triển các mô hình kinh doanh mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0, TMĐT ngày càng khẳng định vị trí then chốt khi trở thành động lực quan trọng cho sự tăng trưởng của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể và các start-up. TMĐT còn góp phần quan trọng trong việc hình thành chuỗi giá trị toàn cầu, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào thị trường quốc tế thông qua các nền tảng số.

Đảng và Nhà nước luôn coi phát triển kinh tế số và TMĐT là nhiệm vụ chiến lược. Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 15/10/2018 của Bộ Chính trị nhấn mạnh việc tăng cường năng lực tiếp cận, sử dụng, phát triển công nghệ số của người dân và doanh nghiệp, trong đó TMĐT được xác định là lĩnh vực ứng dụng công nghệ quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động kinh tế. Tiếp đó, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 và Kết luận số 59-KL/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị đều khẳng định vai trò trung tâm của TMĐT trong quá trình tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời nhấn mạnh hạn chế trong đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực này.

Thực tiễn cho thấy, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và thậm chí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vẫn thiếu kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về TMĐT, dẫn đến việc triển khai các hoạt động giao dịch trực tuyến, kinh doanh số chưa hiệu quả, tiềm ẩn nhiều rủi ro về pháp lý, an ninh mạng và quản trị dữ liệu. Trong khi đó, nhu cầu nhân lực có chuyên môn về TMĐT ngày càng tăng mạnh không chỉ ở khối doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến, mà còn trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, logistics, tài chính – ngân hàng, quản lý nhà nước và cộng đồng khởi nghiệp sáng tạo.

Trong Nghị quyết Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định phải: “Tập trung xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng số, sáng tạo, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước”. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyên ngành TMĐT – những người có khả năng vận dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng số vào hoạt động thương mại, thương mại điện tử và phát triển thị trường.

Ngày 15/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc

gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh mục tiêu “đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP”. Để hiện thực hóa mục tiêu này, TMĐT đóng vai trò là lĩnh vực ứng dụng trực tiếp, gắn kết giữa công nghệ số với đời sống kinh tế – xã hội, đồng thời là môi trường để hình thành nguồn nhân lực số có năng lực triển khai và quản trị hiệu quả.

Xuất phát từ bối cảnh và yêu cầu thực tiễn, việc mở ngành Thương mại điện tử tại Trường Đại học Sao Đỏ là rất cần thiết. Chương trình đào tạo sẽ cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về kinh tế – quản trị, đồng thời trang bị kỹ năng chuyên sâu về TMĐT như: xây dựng và quản lý sàn giao dịch, marketing số, logistics điện tử, quản trị dữ liệu khách hàng, an toàn – an ninh trong TMĐT... Qua đó, đáp ứng nhu cầu cấp bách về nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nền kinh tế số Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Đáp ứng nhu cầu về nhân lực ngành Thương mại điện tử trong nước và ở địa phương

Theo thông tin từ Bộ Thông tin và Truyền thông, nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực kinh tế số Việt Nam đang ở mức rất lớn, trong đó Thương mại điện tử (TMĐT) và các nền tảng số là một trong những ngành nghề cần bổ sung gấp nhân lực chất lượng cao. Riêng giai đoạn gần đây, Việt Nam cần tới hàng trăm nghìn nhân sự trong các mảng chuyển đổi số và kinh tế số, trong đó khoảng 100.000 chuyên viên TMĐT và nền tảng số. Con số này còn tăng nhanh khi tính đến nhu cầu tại các bộ, ngành, doanh nghiệp công nghệ, logistics, tài chính – ngân hàng và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Trong khi đó, năng lực đào tạo nhân lực TMĐT hiện nay vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế. Mỗi năm, các trường đại học mới chỉ cung cấp một phần nhỏ nhân lực trong lĩnh vực này, dẫn tới tình trạng khan hiếm nguồn lao động am hiểu TMĐT, đặc biệt là kỹ năng triển khai kinh doanh trực tuyến, quản lý sàn giao dịch điện tử, marketing số, phân tích hành vi người tiêu dùng trực tuyến, quản trị logistics và thanh toán điện tử.

Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập và toàn cầu hóa sâu rộng. Các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và FDI đều mở rộng hoạt động, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT trở thành động lực tăng trưởng mới. Điều này đặt ra yêu cầu phải xây dựng môi trường kinh doanh số minh bạch, an toàn dữ liệu, đồng thời đào tạo đội ngũ nhân lực TMĐT có trình độ cao, có khả năng làm việc trong môi trường số, nắm bắt công nghệ và tuân thủ các quy định về an ninh mạng, bảo vệ người tiêu dùng.

Tại thành phố Hải Phòng, ngày 20/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1958/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó đặt mục tiêu đến năm 2030 Hải Phòng trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics và thương mại hiện đại, có vị thế quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, thành phố đặc biệt cần nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ số, nhất là TMĐT và logistics điện tử – những ngành nghề trực tiếp hỗ trợ

doanh nghiệp mở rộng thị trường và nâng cao sức cạnh tranh.

Thực tế, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đang gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự TMĐT có chuyên môn sâu, dẫn đến việc triển khai các hoạt động kinh doanh trực tuyến chưa hiệu quả, chưa khai thác hết tiềm năng thị trường. Chính vì vậy, việc đào tạo cử nhân TMĐT là rất cần thiết, nhằm cung cấp cho doanh nghiệp đội ngũ chuyên viên, nhà quản lý có năng lực triển khai kinh doanh trực tuyến, xây dựng và quản trị nền tảng số, logistics điện tử, marketing kỹ thuật số và thương mại xuyên biên giới.

Để có cơ sở khoa học, nhóm thực hiện đề án đã tiến hành khảo sát 85 nhà tuyển dụng tại các doanh nghiệp, cơ quan quản lý và 158 cựu sinh viên đang làm việc trong môi trường kinh doanh số. Kết quả cho thấy:

- 92,9% nhà tuyển dụng khẳng định cần thiết mở ngành TMĐT.
- 90,6% cho rằng nhu cầu tuyển dụng nhân sự TMĐT trong tương lai sẽ tăng cao.

Các kỹ năng nhà tuyển dụng đánh giá rất cao bao gồm: kỹ năng quản lý sản phẩm TMĐT, marketing số, logistics điện tử, phân tích dữ liệu hành vi khách hàng, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường số, cũng như tinh thần kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.

Từ kết quả khảo sát, có thể khẳng định tiềm năng tuyển sinh và cơ hội việc làm đối với ngành TMĐT là rất lớn. Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp TMĐT, doanh nghiệp logistics, tổ chức tài chính – ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước, các start-up công nghệ và nền tảng kinh doanh số.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Thương mại điện tử tại Trường Đại học Sao Đỏ là rất cần thiết và phù hợp với chiến lược phát triển nhân lực chất lượng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số quốc gia và xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm thương mại – dịch vụ số hiện đại trong tương lai.

2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ

Thực hiện theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương, Trường Đại học Sao Đỏ, với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; NCKH và CGCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển CTĐT theo mục tiêu xác định; đảm bảo sự liên thông giữa các CTĐT; triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo.

Trong những năm qua, Trường Đại học Sao Đỏ đã thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và của khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc. Nhà trường định hướng phát triển tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu:

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh, nâng cao quy mô và chất lượng người học;

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, trung tâm mô phỏng hiện đại;
- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất;
- Thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số và ứng dụng AI trong đào tạo nguồn nhân lực.
- Xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn quốc gia và quốc tế;
- Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp ngày càng cao.

Trong chiến lược phát triển đó, việc mở ngành đào tạo Thương mại điện tử hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Nhà trường. Đây là ngành có tính thực tiễn cao, phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường Đại học Sao Đỏ, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập, chuyển đổi số và xây dựng thương mại điện tử bền vững.

Việc đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược của Nhà trường về mở rộng đào tạo các ngành dịch vụ kỹ thuật – quản lý hiện đại, mà còn đóng góp tích cực vào việc phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Thương mại điện tử tại Trường Đại học Sao Đỏ là vô cùng cần thiết và phù hợp với yêu cầu của công tác chuyển đổi số quốc gia, yêu cầu xây dựng, hoàn thiện đội ngũ nhân lực chất lượng cao và nhu cầu nguồn nhân lực ngành Thương mại điện tử, góp phần vào việc xây dựng nền thương mại điện tử Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Việc mở ngành đào tạo Thương mại điện tử tại Trường Đại học Sao Đỏ chắc chắn sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho cả sinh viên, nhà trường và cộng đồng.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành Thương mại điện tử đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành theo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo gồm 130 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất) và đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức quá trình đào tạo, cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Quyết định Số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSĐ;

- Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Quyết định số 77/QĐ-ĐHSĐ ngày 17/2/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Sao Đỏ;

- Nghị quyết số 77/NQ-HĐT ngày 29/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ tại kỳ họp thứ hai mươi Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 – 2025. (Nghị quyết chung có chủ trương mở ngành);

- Kế hoạch Số 73/KH-ĐHSĐ ngày 13/5/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

- Nghị quyết số 78/NQ-HĐT ngày 29/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ, về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ.

- Quyết định số 369/QĐ-ĐHSĐ ngày 01/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

- Quyết định số 530/QĐ-ĐHSĐ ngày 08/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ các ngành;

- Biên bản họp thẩm định CTĐT trình độ đại học, ngành Thương mại điện tử - mã ngành 7340122, ngày 10/10/2025.

- Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Sao Đỏ về việc thông qua chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử - mã ngành 7340122 ngày 15/10/2025.

- Quyết định số 559 /QĐ-ĐHSD ngày 17/10//2025 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành TMĐT đã xây dựng có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 02 trường Đại học trong nước và 02 trường đại học nước ngoài (*Bảng 1*). Các nội dung tham khảo bao gồm: thời lượng của các CTĐT, các mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR), các khối kiến thức trong CTĐT và các môn học/học phần trong các CTĐT.

Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo

STT	Tên trường	Tên CTĐT đã tham khảo	Ghi chú
I	Trường ĐH trong nước		
1	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử	Việt Nam (2021)
2	Trường Đại học Thương mại	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử	Việt Nam (2023)
II	Trường ĐH Quốc tế		
1	University of Worcester	Digital Bussiness	(2024)
2	Infrastructure University	E-Commerce	(2023)

3.3. Nội dung chương trình đào tạo

Trên cơ sở đề xuất và phê duyệt chủ trương mở Đào tạo ngành Thương mại điện tử. Hiệu trưởng trường ĐHSĐ đã chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Thương mại điện tử đảm bảo theo các quy định pháp luật hiện hành về điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo và đáp ứng chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo, phù hợp với khung trình độ quốc gia.

CTĐT ngành Thương mại điện tử trình độ đại học đã được xây dựng có nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Thương mại điện tử
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Thương mại điện tử
(Electronic Commerce)

Mã ngành : 7340122

Hình thức đào tạo : Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 377 /QĐ-ĐHSD, ngày 05 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sao Đỏ)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, xã hội, nhân văn và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên môn toàn diện về thương mại điện tử, bao gồm giao dịch trực tuyến, marketing điện tử, thanh toán điện tử, logistics điện tử và quản trị hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; có khả năng xây dựng, triển khai, quản trị và đánh giá các hoạt động thương mại điện tử trong doanh nghiệp và tổ chức; có kỹ năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm hiệu quả, thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh trực tuyến trong nước và quốc tế; có ý thức kỷ luật, trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và khả năng tự học để nâng cao chuyên môn, đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, kinh tế – xã hội, quốc phòng và an ninh; hiểu được vai trò của các lĩnh vực này trong bối cảnh phát triển hiện đại, nhằm vận dụng hiệu quả vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong nghề nghiệp và đời sống, đáp ứng yêu cầu của thương mại điện tử và hội nhập.

1.2.1.1b. Có kiến thức nền tảng về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội – nhân văn, tin học và ngoại ngữ, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên môn, học tập suốt đời và nâng cao trình độ trong lĩnh vực thương mại điện tử.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật, xã hội, nhân văn thương mại điện tử.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử như: nguyên lý hoạt

động và các mô hình kinh doanh trực tuyến; quản trị thương mại điện tử; thanh toán điện tử và logistics thương mại điện tử; marketing thương mại điện tử và quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến (e-CRM); ứng dụng blockchain và các công nghệ số trong thương mại điện tử; cùng với kiến thức về chiến lược kinh doanh, quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị chất lượng và xây dựng thương hiệu trong môi trường kinh doanh trực tuyến để quản lý và điều hành hiệu quả các hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp và tổ chức.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng hoạch định, triển khai, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và giám sát các hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp và tổ chức.

1.2.2.2. Có kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong môi trường thương mại điện tử đầy biến động.

1.2.2.3. Sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung) và tin học trong nghiên cứu tài liệu chuyên ngành thương mại điện tử; giao tiếp, đàm phán và làm việc với chuyên gia, đối tác quốc tế; ứng dụng hiệu quả trong quản lý, vận hành các hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Thể hiện khả năng làm việc độc lập, chủ động, sáng tạo và phối hợp nhóm hiệu quả; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc cá nhân và tập thể ở mọi bối cảnh học tập, thực hành và hoạt động thực tiễn trong môi trường thương mại điện tử vốn thay đổi nhanh chóng.

1.2.3.2. Có năng lực quyết định, tổ chức, hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ đồng nghiệp hoặc cấp dưới khi triển khai các nhiệm vụ và chuyên môn trong lĩnh vực thương mại điện tử tại các tổ chức kinh tế.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Thương mại điện tử; có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp thương mại điện tử, tổ chức kinh doanh, dịch vụ, tài chính, logistics với các vị trí quản trị và triển khai hoạt động TMĐT, marketing số, logistics điện tử, thanh toán trực tuyến, dịch vụ khách hàng; có khả năng giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan; tự khởi nghiệp trong môi trường kinh doanh trực tuyến hoặc tiếp tục học tập ở bậc cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất để rèn luyện phẩm chất, đạo đức và giải quyết vấn đề xã hội trong học tập và môi trường nghề nghiệp.

2.1.2. Vận dụng hiệu quả kiến thức nền tảng về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn và ngoại ngữ trong việc tiếp thu kiến thức chuyên môn, thực hiện

nghiên cứu khoa học và phát triển trình độ chuyên môn trong lĩnh vực thương mại điện tử.

2.1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT trong học tập, xử lý công việc chuyên môn và thích nghi với môi trường làm việc hiện đại; đáp ứng yêu cầu năng lực số theo quy định hiện hành.

2.1.4. Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử trong hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến của doanh nghiệp.

2.1.5. Vận dụng và phân tích được những kiến thức về thương mại điện tử vào thực tiễn doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh trực tuyến biến động và cạnh tranh cao.

2.1.6. Xây dựng và đánh giá được kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Giải thích và truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng, dễ hiểu; đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.2. Vận dụng được các công cụ số và thương mại điện tử vào các hoạt động kinh doanh tại các tổ chức kinh tế.

2.2.3. Phân tích dữ liệu và thông tin trong môi trường thương mại điện tử để hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

2.2.4. Hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.5. Xây dựng, triển khai và vận hành được mô hình kinh doanh thương mại điện tử và các nền tảng trực tuyến trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, dựa trên phân tích và đánh giá các chính sách quản lý, điều hành của doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương, có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến, đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe và thái độ học tập tích cực; nhận thức được vai trò của học tập suốt đời; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, có trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng trong môi trường thương mại điện tử linh hoạt và biến đổi.

2.3.2. Có năng lực tổ chức, hướng dẫn và giám sát nhân viên hoặc đồng nghiệp trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thương mại điện tử tại doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

2.3.3. Phát triển được khả năng tự học, tự nghiên cứu; tự định hướng nghề nghiệp, hình thành quan điểm cá nhân; đưa ra kết luận, lập luận và bảo vệ chính kiến

trong quá trình xử lý tình huống trong lĩnh vực thương mại điện tử tại doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

2.3.4. Thiết lập được quy trình điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi công nghệ.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA: 4,0 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo TC, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General Education Knowledge</i>	49	36	13
8.1.1		Lý luận chính trị <i>Political Theory</i>	11	11	0
1.	CTRI 004	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Philosophy</i>	3	3	0
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Political Economy</i>	2	2	0
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	2	0
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	2	0
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn <i>Social Sciences and Humanities</i>	6	6	0
6.	KHXX 006	Pháp luật đại cương <i>General Law</i>	2	2	0

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
7.	KHXX 010	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	2	2	0
8.	KHXX 002	Khởi nghiệp kinh doanh <i>Business Startup</i>	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ) <i>Foreign Language</i> (choose one of two languages)	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh <i>English</i>	8	8	0
9.	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	2	2	0
10.	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>	3	3	0
11.	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc <i>Chinese</i>	8	8	0
12.	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>	2	2	0
13.	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>	3	3	0
14.	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học <i>Mathematics – Natural Sciences – Informatics</i>	8	6	2
15.	TOAN 015	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	2	2	0
16.	TOAN 017	Giải tích <i>Calculus</i>	2	2	0
17.	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số <i>Basic Informatics and Digital Transformation</i>	4	2	2
8.1.5		Kỹ năng mềm <i>Soft Skills</i>	3	2	1
18.	KNM 008	Kỹ năng mềm 1 <i>Soft Skills 1</i>	3	2	1
8.1.6		Giáo dục thể chất (chọn 3 trong 5 học phần) <i>Physical Education</i> (Choose 3 out of 5 courses)	3	0	3

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
19.	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft Volleyball</i>	1	0	1
20.	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	1	0	1
21.	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>	1	0	1
22.	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	1	0	1
23.	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>	1	0	1
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8 TC (165 tiết)		
24.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8 TC (165 tiết)		

8.1.8	Phần tự chọn có hướng dẫn (<i>chọn 1 trong 3 học phần sau</i>) <i>Guided Elective (choose 1 out of the following 3 courses)</i>		2	2	0
25.	KHXX 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methodology</i>	2	2	0
26.	KHXX 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp <i>Production Organization and Business Management</i>	2	2	0
27.	TOAN 021	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	2	2	0
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Professional Education Knowledge</i>	92	51	41
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành <i>Basic Professional Knowledge</i>	24	17	7
28.	QTKD 057	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3	2	1
29.	QTKD 013	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	2	1
30.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	2	1
31.	QTKD 058	Lý thuyết thống kê <i>Statistical Theory</i>	2	1	1
32.	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính <i>Financial Theory</i>	2	2	0

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
33.	QTKD 068	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	2	1
34.	QTKD 053	Thương mại điện tử căn bản <i>Basic e-commerce</i>	3	2	1
35.	QTKD 001	Marketing căn bản <i>Basic Marketing</i>	2	2	0
36.	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	2	1
8.2.2		Kiến thức ngành <i>Specialized Knowledge</i>	48	34	14
8.2.2.1		Phần bắt buộc <i>Compulsory Section</i>	42	30	12
37.	KTS 008	Pháp luật thương mại điện tử <i>E-commerce law</i>	3	3	0
38.	TMDT 001	Phát triển hệ thống thương mại điện tử <i>Developing an e-commerce system</i>	3	2	1
39.	KTS 006	Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh <i>Blockchain and Application</i>	3	2	1
40.	TMDT 002	Dữ liệu lớn trong kinh doanh <i>Big Data in Business</i>	2	2	0
41.	QTKD 043	Marketing thương mại điện tử <i>E-commerce Marketing</i>	3	2	1
42.	TMDT 003	Thanh toán điện tử <i>Electronic Payment</i>	3	2	1
43.	TMDT 004	An toàn hệ thống thông tin <i>Information system security</i>	3	2	1
44.	TMDT 005	Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông và TMĐT trong doanh nghiệp <i>The application of information and communication technology and e-commerce in businesses</i>	3	2	1
45.	KTS 010	Thiết kế website thương mại điện tử <i>E-commerce website design</i>	3	2	1
46.	TMDT 006	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến <i>Online sales operations</i>	3	2	1
47.	QTKD 049	Quản trị chiến lược <i>Operations Management</i>	4	3	1
48.	TMDT 007	Quản trị thương mại điện tử <i>E-commerce Management</i>	3	2	1

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
49.	TMDT 008	Logistics trong thương mại điện tử <i>Logistics in e-commerce</i>	3	2	1
50.	TMDT 010	Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử <i>Operational management in e-commerce</i>	3	2	1
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn 1 (chọn 1 trong 3 học phần sau) <i>Guided Elective Courses 1 (choose 1 out of the following 3 courses)</i>	3	2	1
51.	KETOAN 061	Lập và thẩm định dự án đầu tư <i>Project management</i>	3	2	1
52.	LOGISTIC 012	Quản trị quan hệ khách hàng <i>Customer Relationship Management</i>	3	2	1
53.	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán <i>Stock Market</i>	3	2	1
8.2.2.3		Phần tự chọn có hướng dẫn 2 (chọn 1 trong 3 học phần sau) <i>Guided Elective Courses 2 (choose 1 out of the following 3 courses)</i>	3	2	1
54.	TMDT 009	Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh <i>Applied psychology in business</i>	3	2	1
55.	QTKD 027	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	2	1
56.	KETOAN 065	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	2	1
8.2.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <i>Internship and Graduation Thesis</i>	20	0	20
8.2.3.1		Thực tập <i>Internship</i>	10	0	10
57.	TMDT 401	Thực tập chuyên đề <i>Thematic Internship</i>	3	0	3
58.	TMDT 402	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	7	0	7
8.2.3.2		Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	10	0	10
59.	TMDT 403	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 3 học phần chuyên môn sau) <i>Graduation Thesis (or taking the following 3 specialized courses)</i>	10	0	10
60.	TMDT 404	Đề án thương mại điện tử <i>E-commerce Management Project</i>	6	0	6

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
61.	TMDT 405	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet <i>Practicing data mining on the internet</i>	2	0	2
62.	TMDT 406	Thực hành tác nghiệp thương mại điện tử <i>Practicing e-commerce operations</i>	2	0	2
Tổng (tín chỉ) <i>Total (credits)</i>			141	87	54

B. HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
1	KNM 009	Kỹ năng mềm 2 <i>Soft Skills 2</i>	3	2	1
2	TANH 063/ TTRUNG 020	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT/Tiếng Trung nâng cao <i>English for Business Administration/Advanced Chinese</i>	2	2	0
3	QTKD 065	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp <i>Corporate Social Responsibility</i>	2	1	1
4	QTKD 003	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Business communication</i>	3	2	1
5	QTKD 040	Giao dịch và đàm phán kinh doanh <i>Business Negotiation</i>	2	1	1
6	QTKD 066	Quản trị văn phòng <i>Office Management</i>	2	1	1
7	QTKD 051	Văn hoá doanh nghiệp <i>Corporate Culture</i>	3	2	1
8	TMDT 011	Trải nghiệm doanh nghiệp <i>Business Experience</i>	5	0	5
Tổng (tín chỉ)			22	11	11

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist Philosophy	2									3			4		4	
	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist - Leninist Political Economy	2									3			4		4	
	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2									3			4		4	
	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2									3			4		4	
	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2									3			4		4	
	KHXXH 006	Pháp luật đại cương General Law	2									3			4		4	
	KHXXH 010	Tâm lý học đại cương General Psychology	2									3			4		4	
	KHXXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh Business Startup				3							3			3	3	3
	TANH 051	Tiếng Anh 1 English 1	3											3	3			
	TANH 052	Tiếng Anh 2 English 2	3											3	3			
	TANH 053	Tiếng Anh 3 English 3	3											3	3			
	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 Chinese 1	3											3	3			
	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 Chinese 2	3											3	3			
	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 Chinese 3	3											3	3			

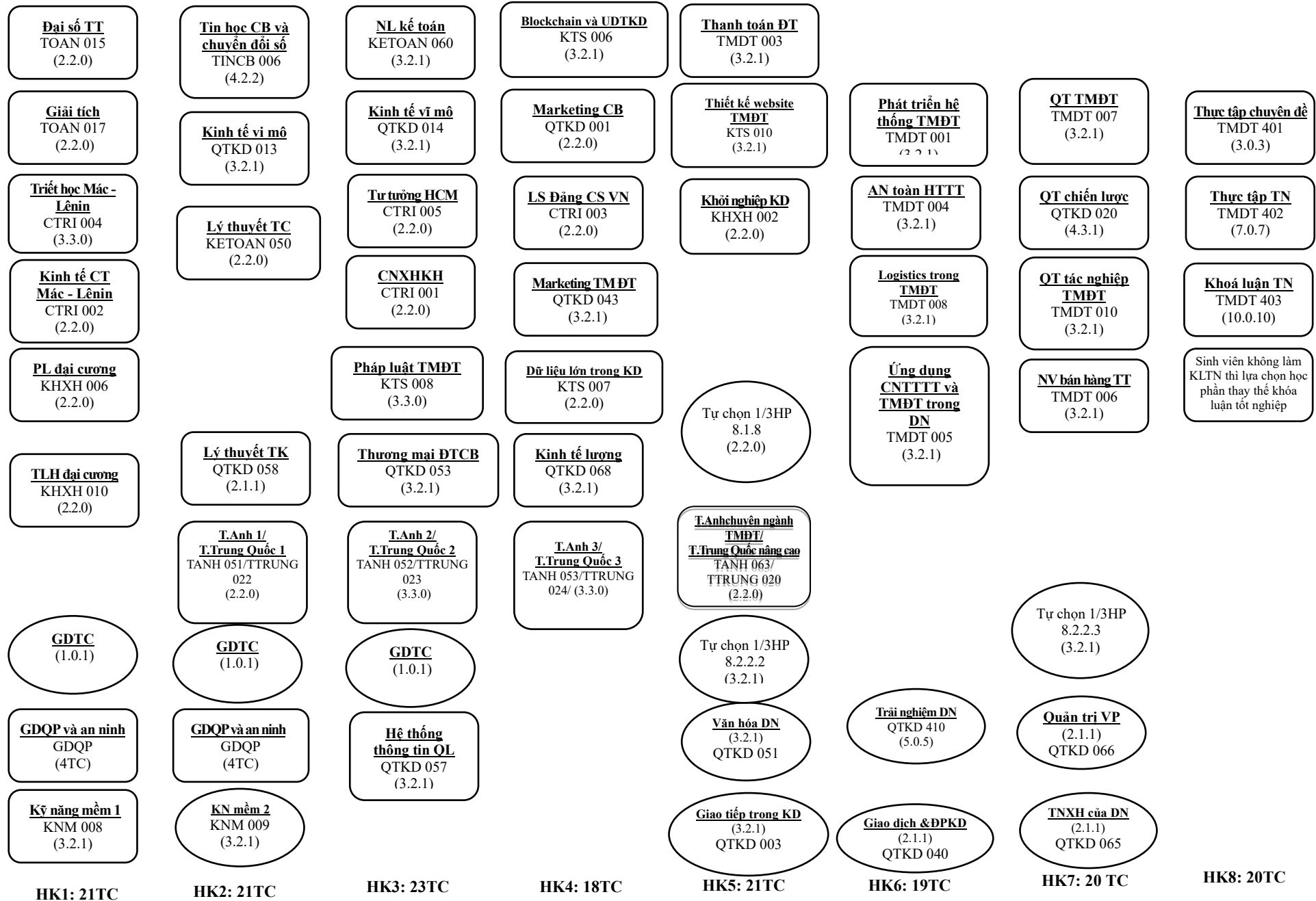
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		Management Information Systems																
	QTKD 013	Kinh tế vi mô Microeconomics				3				3						3		
	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics				3				3						3		
	QTKD 058	Lý thuyết thống kê Statistical Theory				3			3							3	3	
	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính Financial Theory				3			3							3	3	
	QTKD 068	Kinh tế lượng Econometrics				3				3						3		
	QTKD 053	Thương mại điện tử căn bản Basic e-commerce				3			3							3	3	
	QTKD 001	Marketing căn bản Basic Marketing				3			3							3	3	
	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting				3						3				3		
	KTS 008	Pháp luật thương mại điện tử Electronic Commerce				3			3							3	3	
	TMDT 001	Phát triển hệ thống thương mại điện tử Developing an e-commerce system				3				4		4			4	4		
	KTS 006	Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh Blockchain and Application					3			3						3		
	KTS 007	Dữ liệu lớn trong kinh doanh Big Data in Business				2			3							3	3	
	QTKD 043	Marketing thương mại điện tử E-commerce Marketing					4	4	2	4	4	4			3	3	4	4
	TMDT 003	Thanh toán điện tử Electronic Payment					4	4	2	4		4			3	3	4	4

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
	TMDT 004	An toàn hệ thống thông tin Information system security				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
	TMDT 005	Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông và TMĐT trong doanh nghiệp The application of information and communication technology and e-commerce in businesses					4	4	2	4		4			3	3	4	4
	KTS 010	Thiết kế website thương mại điện tử E-commerce website design				3				3					3	3		
	TMDT 006	Nghiep vụ bán hàng trực tuyến Online sales operations					4	4	2	4		4			3	3	4	4
	QTKD 049	Quản trị chiến lược Operations Management					4	4	3	4		4			4	4	4	4
	TMDT 002	Quản trị Thương mại điện tử E-commerce Management					3			3							3	3
	TMDT 008	Logistics trong thương mại điện tử Logistics in e-commerce					4	4	4	4		4			4	4	4	4
	TMDT 010	Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử Operational management in e-commerce					4	4	4	4		4			4	4	4	4
	KETOAN 061	Lập và thẩm định dự án đầu tư Establishing and evaluating an investment project						4	2	4	4	4	4		3	3	4	4
	LOGISTICS 012	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management				3						3				3		
	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán Stock Market				3						3				3		
	TMDT 009	Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh Applied psychology in business					4	4	2	4		4			3	3	4	4
	QTKD 027	Quản trị rủi ro Risk Management					4	4	4	4		4			4	4	4	4

[illegible]

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
	QTKD 051	Văn hoá doanh nghiệp Corporate Culture					4	4		4		4	4			4	4	4
	QTKD 410	Trải nghiệm doanh nghiệp Business Experience				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



3.4. Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo

Kế hoạch đào tạo được thiết kế các học phần theo từng học kỳ, phù hợp với từng khối, từng bậc kiến thức, đảm bảo về các điều kiện tiêu quyết. Một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ sinh viên được học từ 18 - 23 tín chỉ. Cụ thể kế hoạch đào tạo được thực hiện theo từng kỳ như sau (Bảng 2):

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy đào tạo trình độ đại học ngành TMDT

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
	Kỳ 1						
1	TOAN 015	Đại số tuyến tính	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Hồng Nguyễn Văn Toán
2	TOAN 017	Giải tích	2	2	0	Đại số tuyến tính	Nguyễn Kiều Hiền Nguyễn Thị Diệp Huyền
3	CTRI 004	Triết học MLN	3	3	0		Trần Thị Hồng Nhung Phạm Xuân Đức
4	CTRI 002	Kinh tế CT MLN	2	2	0	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Mạnh Tường Vũ Văn Đông
5	KHXX 006	Pháp luật đại cương	2	2	0	Không	Phạm Thị Mai Đỗ Thị Thuỳ
6	KHXX 010	TLH đại cương	2	2	0		Nguyễn Thị Hiền Phùng Thị Lý
7		Giáo dục thể chất	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Phạm Anh Dũng
8	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
9	KNM 008	Kỹ năng mềm 1	3	2	1	Không	Đỗ Thị Thuỳ Phạm Thị Mai
		Cộng	21	15	6		
	Kỳ 2						
10	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	4	2	2	Không	Phạm Thị Tâm Phạm Văn Kiên Nguyễn Thị Bích Ngọc Vũ Bảo Tạo
11	QTKD 013	Kinh tế vi mô	3	2	1	Không	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
12	KETOAN 050	Lý thuyết TC	2	2	0	Không	Lương Thị Hoa Vũ Thị Thanh Thủy
13	QTKD 058	Lý thuyết thống kê	2	1	1	Không	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Huế
14	TANH 051	Tiếng Anh 1	2	2	0	Không	Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương
15	TTRUNG 022	Tiếng TQ 1	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Xuyên Nguyễn Thị Lan
16		Giáo dục thể chất	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Phạm Anh Dũng

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
17	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
18	KNM 006	Kỹ năng mềm 2	3	2	1	Không	Phạm Xuân Đức Trần Thị Hồng Nhung Nguyễn Thị Hiền Phạm Thị Hồng Hoa
		Cộng	21	11	10		
Kỳ 3							
19	KETOAN 060	NL Kế toán	3	2	1	Lý thuyết TC	Vũ Thị Lý Vũ Thị Thanh Thủy
20	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	Kinh tế vi mô	Nguyễn Thị Kim Nguyên Ngô Thị Luyện
21	CTRI 005	Tư tưởng HCM	2	2	0	Triết học Mác - Lênin	Phạm Xuân Đức Nguyễn Thị Hải Hà
22	CTRI 001	CNXHKH	2	2	0	Triết học MLN, KTCT MLN	Phùng Thị Lý Nguyễn Thị Nhan
23	KTS 008	Pháp luật TMĐT	3	3	0	Không	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Ngọc Mai
24	QTKD 053	TM điện tử căn bản	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Thủy Hoàng Thị Hoa
25	TANH 052	Tiếng Anh 2	3	3	0	Tiếng Anh 1	Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương
26	TTRUNG 023	Tiếng TQ 2	3	3	0	Tiếng TQ 1	Bùi Thị Trang Phạm Thị Hồng Trang
27		GDTC	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
28	QTKD 057	Hệ thống TTQL	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
		Cộng	23	18	5		
Kỳ 4							
29	KTS 006	Blockchain và ứng dụng trong KD	3	2	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
30	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0	Không	Vũ Thị Hương Phạm Thị Hồng Hoa
31	CTRI 003	LS Đảng CSVN	2	2	0	Triết học MLN, Kinh tế chính trị MLN	Nguyễn Thị Hải Hà Nguyễn Mạnh Tường
32	QTKD 043	Marketing TMĐT	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Huế Nguyễn Thị Ngọc Mai

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
33	KTS 007	Dữ liệu lớn trong KD	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Huế Vũ Thị Hương
34	QTKD 068	Kinh tế lượng	3	2	1	Không	Hoàng Thị Hoa Ngô Thị Luyện
35	TANH 053	Tiếng Anh 3	3	3	0	Tiếng Anh 2	Vũ Thị Lương Tăng Thị Hồng Minh
36	TTRUNG 024	Tiếng TQ 3	3	3	0	Tiếng TQ 2	Nguyễn Thị Xuyên Nguyễn Thị Lan
		Cộng	18	15	3		
	Kỳ 5						
37	TMDT 003	Thanh toán điện tử	3	2	1	Không	Vũ Thị Thanh Thủy Lương Thị Hoa
38	KTS 010	Thiết kế website TMĐT	3	2	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
39	KHXX 002	Khởi nghiệp KD	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Huế Phạm Thị Hồng Hoa
40	KHXX 007	Phương pháp NCKH	2	2	0	Không	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
41	KHXX 012	Tổ chức SX và QLDN	2	2	0	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Huế
42	TOAN 021	XS và TK	2	2	0	Không	Nguyễn Kiều Hiên Nguyễn Thị Hồng
43	TANH 063	T.Anh chuyên ngành TMĐT	2	2	0	Tiếng Anh 3	Trịnh Thị Chuyên Tăng Thị Hồng Minh
44	TTRUNG 020	Tiếng TQ nâng cao	2	2	0	Tiếng TQ3	Nguyễn Thị Lan Phạm Thị Hồng Trang
45	KETOAN 061	Lập và TD DADT	3	2	1	Quản trị tài chính	Hoàng Thị Hoa Nguyễn Minh Tuấn
46	LOGISTIC 012	Quản trị quan hệ khách hàng	3	2	1	Không	Hoàng Thị Hoa Ngô Thị Luyện
47	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán	3	2	1	Không	Lương Thị Hoa Vũ Thị Thanh Thủy
48	QTKD 051	Văn hóa DN	3	2	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
49	QTKD 003	Giao tiếp trong KD	3	2	1	Quản trị KD	Nguyễn Thị Huế Vũ Thị Hương
		Cộng	21	16	5		
	Kỳ 6						

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
44	TMDT 001	Phát triển hệ thống TMĐT	3	2	1	Không	Vũ Thị Hương Ngô Thị Luyện
45	TMDT 004	An toàn HTTT	3	2	1	Không	Lương Thị Hoa Nguyễn Thị Ngọc Mai
46	TMDT 008	Logistics trong TMĐT	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Huế Ngô Thị Luyện
47	TMDT 005	Ứng dụng CNTT truyền thông và TMĐT trong DN	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Huế Vũ Thị Hương
48	QTKD 410	Trải nghiệm DN	5	0	5	Không	Phạm Thị Hồng Hoa Vũ Thị Hương
49	QTKD 040	Giao dịch &ĐPKD	2	1	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
		Cộng	19	14	5		
	Kỳ 7						
50	QTKD 010	Quản trị TMĐT	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Thủy Hoàng Thị Hoa
51	QTKD 020	QT chiến lược	4	3	1	Không	Nguyễn Thị Ngọc Mai Ngô Thị Luyện
52	TMDT 010	Quản trị tác nghiệp trong TMĐT	3	2	1	Không	Hoàng Thị Hoa Nguyễn Minh Tuấn
53	TMDT 006	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Huế Ngô Thị Luyện
54	TMDT 009	Tâm lý học ứng dụng trong KD	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Huế Phạm Thị Hồng Hoa
55	QTKD 027	Quản trị rủi ro	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Ngọc Mai Ngô Thị Luyện
56	KETOAN 065	Quản trị tài chính	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Thủy Ngô Thị Luyện
57	QTKD 066	QT văn phòng	2	1	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
58	QTKD 065	TNXH của DN	2	1	1	Không	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
		Cộng	20	13	7		
	Kỳ 8						

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
59	TMDT 401	Thực tập chuyên đề	3	0	3		Hoàng Thị Hoa Ngô Thị Luyện
60	TMDT 402	Thực tập TN	7	0	7	Thực tập chuyên đề	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Huế
61	TMDT 403	Khóa luận TN	10	0	10	Thực tập TN	Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương Phạm Thị Hồng Hoa Nguyễn Thị Huế
	Cộng		20	0	20		
	Tổng		163	98	65		

3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Hướng dẫn lập kế hoạch học tập và đăng ký học phần

Trên cơ sở sổ học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Thương mại điện tử, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục đại học.

Sinh viên nhận kế hoạch đào tạo toàn khóa từ Phòng Đào tạo và tuyển sinh của Trường, trong đó có ghi rõ các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Mỗi năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp, ngoài các học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức một học kỳ phụ vào thời gian nghỉ hè để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần lên lớp. Trước mỗi kỳ học, sinh viên được cố vấn học tập, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để sinh viên đăng ký các học phần trong mỗi học kỳ trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất 01 tháng, Nhà trường thông báo lịch học trong sổ tay sinh viên và trên trang học vụ sinh viên (daotao.saodo.edu.vn). Giáo viên chủ nhiệm (GVCN)/ cố vấn học tập (CVHT) hướng dẫn, kiểm tra việc sinh viên đăng ký học tập, đảm bảo sinh viên đăng ký đúng, đủ học phần theo quy định.

- Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc và tích lũy điểm học phần

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường đại học Sao Đỏ. Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần. Trung bình cộng các điểm có trọng số 20%. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và điểm được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây (Bảng 3):

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 - 10,0	A+	4,0
8,5 - 8,9	A	3,7
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Sinh viên phải học hết chương trình giáo dục trình độ đại học ngành Thương mại điện tử, phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong CTĐT đại học, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên chỉ được nhận bằng tốt nghiệp khi thi khảo sát đạt yêu cầu về ngoại ngữ, tin học hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tương đương trở lên theo yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học của CTĐT (theo quy định ôn tập, kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Sao Đỏ).

Khi tốt nghiệp chương trình này, học viên sẽ được cấp bằng đại học chính quy. Trong Bằng hoặc/và Bảng điểm có thể ghi tên ngành, chuyên ngành đào tạo.

3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo

* Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của BGDDT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành:

- Tên ngành đào tạo: Thương mại điện tử
- Mã ngành: 7340122
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Phương thức tuyển sinh:
 + Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
 + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

D01 (Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh)

A00 (Toán, Vật Lý, Hóa học)

A09 (Toán, Địa lý, Giáo dục công dân)

C04 (Ngữ Văn, Toán, Địa lý)

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

Hình thức tuyển sinh: xét tuyển, thi tuyển, kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tuyển sinh sẽ yêu cầu các thí sinh làm bài kiểm tra đánh giá năng lực, viết bài luận, hoặc tiến hành phỏng vấn để làm căn cứ đánh giá bổ sung.

Thời gian tuyển sinh: tuyển sinh theo kế hoạch, khai giảng 01 đợt/ năm.

Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

** Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo*

Trường ĐHSĐ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường ĐHSĐ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDDĐT.

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng

trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập: Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phân thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường.

Thời điểm lấy ý kiến người học: Sau khi kết thúc học phần, sau khi kết thúc khóa học; Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và giảng viên.

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ được xây dựng chi tiết, đầy đủ. Trong CTĐT, đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh phù hợp với hình thức đào tạo chính quy về phương pháp dạy - học, thời lượng dạy - học, học liệu, đánh giá kết quả học tập.

Các điều kiện giảng dạy như đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nền tảng công nghệ hỗ trợ đào tạo được đầu tư. Do đó, chất lượng đào tạo của CTĐT ngành Thương mại điện tử đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

Bộ học liệu bao gồm: Giáo trình, tài liệu học tập, đề cương chi tiết học phần, Slide bài giảng toàn bộ học phần, bộ câu hỏi kết thúc học phần, được số hóa (tài liệu dạng PDF,...) được hội đồng thẩm định thông qua. Các học phần do giảng viên Trường Đại học Sao Đỏ giảng dạy.

Nội dung và hình thức thi kết thúc học phần của chương trình đào tạo được thực hiện như trong nội dung đề cương chi tiết đề cập.

4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Nhà trường có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT ngành Thương mại điện tử trình độ đại học, đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT ngành Thương mại điện tử trình độ đại học. Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Thương mại điện tử có 43 giảng viên trong đó có 7 tiến sĩ (02 tiến sĩ ngành phù hợp), 36 thạc sĩ (*Bảng 4*). Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Thương mại

điện tử, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của BGDDT theo quy định, cụ thể như sau:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT: TS. Vũ Mạnh Cường - ngành Quản trị kinh doanh tại Southern Luzon State University, Phillipines.

- Có 07 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có ngành và chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, cụ thể:

+ Chủ trì giảng dạy Khối kiến thức giáo dục đại cương: TS. Phạm Xuân Đức - ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; TS. Phùng Thị Lý - ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học; TS. Vũ Văn Đông - ngành: Kinh tế học; TS. Nguyễn Viết Tuấn - ngành Toán giải tích, TS. Phạm Thị Hồng Trang - chuyên ngành Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng.

+ Chủ trì giảng dạy Khối kiến thức cơ sở ngành: TS. Nguyễn Minh Tuấn - Ngành Kinh tế (Chuyên ngành: Ngân hàng - tài chính).

+ Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành: TS. Phạm Thị Hồng Hoa - Ngành: Kinh tế học (Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế).

Có 43 giảng viên cơ hữu thực hiện CTĐT ngành Thương mại điện tử (*Bảng 4, Bảng 5*). Số lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của Trường đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Thương mại điện tử. Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Bảng 4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành TMĐT

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1.	Vũ Mạnh Cường 25/11/1968	036068004866 Việt Nam		Tiến sĩ, Phillipines 2016	Ngành: Quản trị kinh doanh		x			0	3
2.	Phạm Thị Hồng Hoa, 23/05/1977	038177001190, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngành: Kinh tế học (Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế)	22/02/2002		8603000550	21	0	2
3.	Nguyễn Minh Tuấn 25/04/1977	030077001663 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngành Kinh tế (Chuyên ngành: Ngân hàng - tài chính)	2003		8603004155	22	0	26
4.	Phạm Xuân Đức; 10/02/1980	030080006874, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	12/4/2004		8604006557	19	0	4
5.	Vũ Văn Đông 18/11/1982	033082002650 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Ngành: Kinh tế học	31/10/2008		3009000027	17	0	26
6.	Phùng Thị Lý, 08/10/1982	030182001953, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học	15/5/2007		8607011062	16	0	3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
7.	Nguyễn Việt Tuấn 23/8/1983	024083005684 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Ngành: Toán giải tích	28/12/2006		8607011063	19	0	12
8.	Phạm Thị Hồng Trang, 16/8/1990	015190005580, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Chuyên ngành: Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	17/6/2020		1520702759	3	0	0
9.	Trần Thị Hồng Nhưng, 21/06/1979	008179000195, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	31/6/2007		1404000694	16	0	2
10.	Nguyễn Mạnh Tường, 12/11/1977	030077022061, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	01/10/2001		8602000416	22	0	4
11.	Nguyễn Thị Hiền, 10/3/1985	030185001929, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	31/10/2008		3009000026	15	0	3
12.	Nguyễn Thị Hải Hà, 07/11/1977	030177001003, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử	06/11/2006		8601001179	17	0	4
13.	Đỗ Thị Thùy, 13/6/1985	027185000717, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	05/10/2009		3009030031	14	0	3
14.	Nguyễn Thị Nhan, 01/01/1987	024187001783, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	01/12/2010		3011020980	15	1	4
15.	Phạm Thị Mai, 20/02/1982	034182025661, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật học	06/7/2006		8607002523	17	0	4
16.	Hà Đình Soát, 17/5/1981	034081003889, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	18/10/2004		8605004057	19	0	2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
17.	Vũ Tiến Hiếu, 19/11/1986	030086002232, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	31/10/2008		3009000024	15	0	3
18.	Nguyễn Thị Bích Ngọc, 20/01/1989	030189013708, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công nghệ thông tin	15/9/2012		3012032288	13	0	3
19.	Hoàng Thị Ngát, 13/6/1985	030185010323, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Khoa học máy tính	21/5/2008		3008013544	15	0	4
20.	Vũ Bảo Tạo, 17/3/1979	030079002276, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Công nghệ thông tin	01/4/2003		8603004150	20	0	3
21.	Phạm Văn Kiên, 21/11/1979	030079001643, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Giáo dục nghề nghiệp	01/6/2005		8604006563	18	2	15
22.	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981	024181012807, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	11/8/2003		8604001210	20	0	1
23.	Trần Thị Mai Hương, 04/02/1985	022185002624, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ Anh	26/6/2009		3009029647	14	0	1
24.	Vũ Thị Lương, 02/01/1978	030178010123, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	16/8/2001		8602000412	22	0	1
25.	Trần Hoàng Yến, 01/02/1982	030182012548, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	10/4/2007		8607011060	16	0	1
26.	Tăng Thị Hồng Minh, 15/10/1985	031185009958, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	08/10/2010		3109000093	13	0	2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
27.	Nguyễn Thị Xuyên, 16/11/1989	001189008176, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	01/6/2013		3013030424	10	0	4
28.	Nguyễn Thị Diệp Huyền; 29/06/1979	03017911440, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Toán học	01/01/2006		8604008726	19	0	2
29.	Nguyễn Văn Toán 06/02/1984	030084024697 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Toán học	18/11/2009		3009030260	16	0	1
30.	Nguyễn Kiều Hiên; 15/07/1986	024186000627, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Toán học	01/11/2009		3009000012	16	0	5
31.	Nguyễn Thị Hồng 17/10/1986	038186046561, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Toán học	7/11/2008		3009000346	17	0	4
32.	Nguyễn Thị Lan, 07/8/1980	030180014220, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	27/9/2006		8607002548	17	0	3
33.	Nguyễn Thị Ngọc Mai 24/2/1988	030187011520, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	01/04/2011		3011021575	13	0	5
34.	Nguyễn Thị Huế 28/6/1985	030185004061, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	29/10/2008		3009000019	16	0	13
35.	Ngô Thị Luyện 06/08/1983	030183013087, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	28/05/2008		3008013545	16	0	10
36.	Nguyễn Thị Thủy 26/11/1986	030186002501, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	29/10/2008		3009000018	16	0	11

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
37.	Hoàng Thị Hoa 05/12/1987	030187002380, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	1/10/2009		3009030037	15	0	2
38.	Đinh Thị Kim Thiết 20/12/1980	034180013516 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kế toán	01/11/2008		8605002412	16	0	12
39.	Nguyễn Thị Quỳnh 18/7/1986	030186009853 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kế toán	05/10/2009		3009030038	15	0	8
40.	Vũ Thị Lý 15/10/1985	030185011526 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	10/10/2007		8607025265	17	0	12
41.	Vũ Thị Thanh Thủy 04/02/1984	030184011807 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kế toán	10/10/2007		8607025266	17	0	7
42.	Lương Thị Hoa 28/4/1989	030189002914 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam 2014	Tài chính ngân hàng	16/01/2012		3012031618	12	0	8
43.	Vũ Thị Hường 21/07/1984	030184009039 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Quản trị kinh doanh	29/10/2006		8607002553	19	0	8

Bảng 5. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành TMĐT

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vũ Mạnh Cường	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Phương pháp NCKH 4. Marketing căn bản 5. Quản trị marketing 6. Thanh toán điện tử 7. Kinh tế lượng 8. Quản trị học 9. Trách nhiệm xã hội của DN	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4	x				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo.

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
2	Phạm Thị Hồng Hoa	1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Giao tiếp trong kinh doanh 3. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm 4. Chủ nghĩa xã hội khoa học 5. Kinh tế chính trị Mác-Lênin 6. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	Kỳ 1, Kỳ 3, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
3	Nguyễn Minh Tuấn	1. Lập và thẩm định dự án đầu tư 2. Kinh tế lượng	Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
4	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1. Phương pháp NCKH 2. Pháp luật TMĐT 3. Marketing căn bản 4. Nghiệp vụ BH trực tuyến 5. Quản trị chiến lược 6. Giao dịch và đàm phán KD 7. Quản trị rủi ro 8. Quản trị TMĐT 9. Hệ thống thông tin quản lý 10. Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh 11. Phát triển hệ thống thương mại điện tử 12. Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông và thương mại điện tử trong doanh nghiệp 13. Văn hoá doanh nghiệp	Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7, Kỳ 8	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
5	Ngô Thị Luyện	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Phương pháp NCKH 4. Marketing căn bản 5. Quản trị marketing 6. Thanh toán điện tử 7. Kinh tế lượng 8. Quản trị học 9. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7, Kỳ 8	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
6	Vũ Thị Hương	1. Quản trị TMĐT 2. Khởi nghiệp kinh doanh 3. Marketing căn bản 4. Quản trị kinh doanh 5. Quản trị chiến lược 6. Quản trị quan hệ KH 7. Quản trị marketing 8. Nghiệp vụ BH trực tuyến 9. Giao tiếp trong KD 10. Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng 11. Quản trị văn phòng 12. Văn hoá doanh nghiệp	Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7, Kỳ 8	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
7	Nguyễn Thị Huế	1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Quản trị TMĐT 3. Giao tiếp trong kinh doanh 4. Nghiệp vụ BH trực tuyến 5. Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử 6. Thương mại điện tử 7. Marketing TMĐT 8. Quản trị rủi ro 9. Logistics trong thương mại điện tử 10. An toàn hệ thống thông tin 11. Quản trị quan hệ KH 12. Quản trị văn phòng	Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7, Kỳ 8	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
8	Nguyễn Thị Thuỷ	1. Pháp luật thương mại điện tử 2. Lý thuyết thống kê 3. Phát triển hệ thống thương mại điện tử 4. Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng 5. Quản trị văn phòng 6. Quản trị quan hệ KH 7. An toàn hệ thống thông tin 8. Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh	Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7, Kỳ 8	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
9	Hoàng Thị Hoa	1. Lập và thẩm định dự án đầu tư dự án đầu tư 2. Kinh tế lượng 3. Lý thuyết thống kê 4. Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng 5. Tiếng Trung Quốc 1,2,3	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
10	Đinh Thị Kim Thiết	1. Nguyên lý kế toán 2. Quản trị tài chính	Kỳ 3, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
11	Nguyễn Thị Quỳnh	1. Lý thuyết tài chính 2. Nguyên lý kế toán	Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
12	Vũ Thị Thanh Thuỷ	1. Nguyên lý kế toán 2. Lý thuyết tài chính	Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
13	Vũ Thị Lý	1. Nguyên lý kế toán 2. Quản trị tài chính 3. Lý thuyết tài chính	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
14	Lương Thị Hoa	1. Quản trị tài chính 2. Thị trường chứng khoán 3. Lý thuyết tài chính	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
15	Nguyễn Thị Nhan	1. Chủ nghĩa xã hội KH 2. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
16	Phùng Thị Lý	1. Chủ nghĩa xã hội KH 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
17	Vũ Văn Đông	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kỳ 1	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
18	Hà Đình Soát	1. Giáo dục thể chất	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
19	Vũ Tiến Hiếu	1. Giáo dục thể chất	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
20	Phạm Xuân Đức	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 5. Tâm lý học đại cương	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
21	Nguyễn Thị Hiền	1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Triết học Mác – Lênin	Kỳ 1, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
22	Trần Thị Hồng Nhung	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin	Kỳ 1, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
23	Phạm Thị Mai	1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1, Kỳ 2	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
24	Nguyễn Mạnh Tường	1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
25	Nguyễn Thị Hải Hà	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
26	Đỗ Thị Thuỳ	1. Pháp luật đại cương 2. Triết học Mác – Lênin 3. Kỹ năng mềm 1,2 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
27	Nguyễn Viết Tuấn	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
28	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
29	Nguyễn Thị Hồng	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
30	Nguyễn Kiều Hiên	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
31	Vũ Thị Lương	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
32	Trịnh Thị Chuyên	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
33	Trần Hoàng Yến	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
34	Tăng Thị Hồng Minh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
35	Trần Thị Mai Hương	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
36	Phạm Thị Hồng Trang	1. Tiếng Trung Quốc 1, 2, 3 2. Tiếng Trung Quốc nâng cao	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
37	Nguyễn Thị Lan	1. Tiếng Trung Quốc 1, 2, 3	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
38	Bùi Thị Trang	2. Tiếng Trung Quốc nâng cao	Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
39	Nguyễn Thị Xuyên	1. Tiếng Trung Quốc 1, 2, 3	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1. Tin học cơ bản và chuyển đổi số 2. Blockchain và UDTKD 3. Dữ liệu lớn trong KD 4. Thiết kế website TMĐT	Kỳ 2, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
41	Phạm Văn Kiên	1. Tin học cơ bản và chuyển đổi số 2. Blockchain và UDTKD 3. Dữ liệu lớn trong KD 4. Thiết kế website TMĐT	Kỳ 2, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
42	Vũ Bảo Tạo	1. Tin học cơ bản và chuyển đổi số 2. Blockchain và UDTKD 3. Dữ liệu lớn trong KD 4. Thiết kế website TMĐT	Kỳ 2, Kỳ 4, Kỳ 5	x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
43	Hoàng Thị Ngát	1. Tin học cơ bản và chuyển đổi số 2. Blockchain và UDTKD 3. Dữ liệu lớn trong KD 4. Thiết kế website TMĐT		x				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ chính của giảng viên, thể hiện trình độ và năng lực của đội ngũ. Trường Đại học Sao Đỏ luôn quan tâm và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường ngày càng có chất lượng, hiệu quả. Số lượng đề tài được triển khai áp dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tăng lên theo hằng năm, trong đó có nhiều đề tài cấp Bộ, Tỉnh được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ. Số lượng bài báo khoa học của cán bộ cơ hữu trong Nhà trường được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong 5 năm gần đây cũng tăng lên. Nhiều bài báo có chất lượng cao được đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI, scopus, các tạp chí có uy tín trong nước, quốc tế.

Đối với đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện CTĐT ngành Thương mại điện tử dự kiến mở, ngoài trình độ chuyên cao, có kinh nghiệm trong đào tạo còn có năng lực nghiên cứu khoa học, đã tham gia và chủ nhiệm nhiều đề tài các cấp, có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế (*Bảng 6, Bảng 7*).

Bảng 6. Danh sách công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy ngành TMĐT

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	XH.10.ĐHSD.21	Cấp Bộ	Áp dụng công cụ KPI trong giao việc và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường đại học, cao đẳng ở Hải Dương hiện nay	T.S. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số 128/QĐ – SKHCN ngày 08/8/2022	2021	Khá	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Phùng Thị Lý 3. Phạm Văn Dự 4. Nguyễn Trọng Các 5. Nguyễn Thị Thanh Bình 6. Nguyễn Viết Tuấn 7. Vũ Văn Tản 8. Lê Thị Mai 9. Nguyễn Phương Ty 10. Tạ Thị Thúy Ngân 11. Phạm Văn Kiên	
2	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 01.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu kỹ thuật thực tế tăng cường ứng dụng xây dựng phần mềm quảng bá hình ảnh trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị An	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	25/6/2020	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2. ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc 3. ThS. Hoàng Thị Ngát	
3	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 04.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý Ký túc xá trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hương	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	25/6/2020	Đạt	1. ThS. Phạm Văn Kiên 2. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
4	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 08.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu việc ứng dụng các công cụ trực tuyến trong dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	4/7/2020	Đạt	1. ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	
5	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	4/7/2020	Đạt	1. ThS. Nguyễn Mạnh Tường 2. ThS. Trần Thị Hồng Nhung 3. ThS. Nguyễn Thị Hiền	
6	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hà Đình Soát	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	15/7/2020	Đạt	1. ThS. Vũ Tiến Hiếu 2. ThS. Nguyễn Đức Thuần 3. ThS. Phạm Anh Dũng 4. ThS. Quán Thanh Tùng	
7	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 10.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Sử dụng phương pháp phân tích EFA và hồi quy đa biến phân tích các nhân tố ảnh hưởng quyết định chọn trường Đại học Sao Đỏ của sinh viên	ThS. Nguyễn Thị Hồng	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	2020	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Huệ 2. ThS. Nguyễn Thị Huế	
8	311/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM đánh giá sự phản hồi của người học về chất lượng đào tạo khoa Kinh tế	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	2020	Đạt	ThS. Trần Thị Hằng ThS. Đinh Thị Kim Thiết ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
10	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 13.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa Điện, Trường Đại học Sao Đỏ	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 199/QĐ-ĐHSD, ngày 02/6/2021	2021	Đạt	ThS. Trần Thị Hằng ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
11	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 14.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Huế	Số 481/QĐ-ĐHSD, ngày 06/12/2021	2021	Đạt	ThS. Vũ Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Thủy	
12	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 10.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Văn hóa sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	24/9/2021	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Hiền 2. ThS. Phạm Thị Mai	
13	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại trường Đại học Sao Đỏ.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 307/QĐ-ĐHSD ngày 16/8/2021	24/9/2021	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Tình 2. ThS. Đỗ Thị Thùy 3. ThS. Đặng Thị Dung	
14	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 16.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm kiểm tra sự trùng lặp nội dung Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp tại trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	8/6/2021	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị An 2. ThS. Phạm Thị Hương	
15	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 17.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý thiết bị, công cụ, dụng cụ trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hương	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	02/6/2021	Đạt	1. ThS. Phạm Văn Kiên 2. ThS. Vũ Bảo Tạo	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
16	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 18.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tạo trợ lý ảo trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hương	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	8/6/2021	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị Ngát 2. ThS. Nguyễn Phúc Hậu	
17	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Đặng Thị Minh Phương	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	8/6/2021	Đạt	1. ThS. Trần Hoàng Yến 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh	
18	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 06.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích phổ điểm đánh giá học phần của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị An	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. Ths, Hoàng Thị An	
19	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 07.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng ứng dụng khảo sát trực tuyến các bên liên quan về Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị Ngát	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
20	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 08.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Phúc Hậu 2. ThS. Nguyễn Thị Thu	
21	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 09.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
22	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 10.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng dữ liệu số hóa đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, ngày 10/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Thị Hường	
23	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 11.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Văn Kiên	
24	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 12.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Hiệu chỉnh nâng cao chất lượng website các khoa và Nhà trường.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, ngày 10/6/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Thị Hường	
25	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 06.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ R xây dựng thuật toán để giải một số bài toán trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/6/2022	2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Văn Toán 2. ThS. Nguyễn Thị Hồng	
26	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 24.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến quản trị dòng tiền trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Đinh Thị Kim Thiết	Số 60/QĐ-ĐHSD, ngày 28/2/2023	2022	Đạt	1. ThS. Vũ Thị Lý 2. ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	
27	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 23.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng hình ảnh, nâng cao thương hiệu Trường Đại học Sao Đỏ trong xã hội	ThS. Trần Thị Hằng	Số 284/QĐ-ĐHSD, ngày 41/6/2022	2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai 3. ThS. Vũ Thị Hường	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
27	424/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Sao Đỏ.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	17/6/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Tình 2. ThS. Đặng Thị Dung 3. ThS. Đỗ Thị Thùy	
28	434/QĐ - ĐHSD, 28/10/2021 26 KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình kết nối phục vụ cộng đồng cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	Số 327/QĐ-ĐHSD ngày 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Xuân Đức 2. ThS. Nguyễn Thị Hiền 3. ThS. Phạm Thị Mai 4. ThS. Lê Thị Huyền	
29	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 27.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của viên chức và sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Đức Thuần	Số 327/QĐ-ĐHSD, ngày 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Mạnh Tường 2. ThS. Hà Đình Soát 3. ThS. Vũ Tiến Hiếu 4. ThS. Quán Thanh Tùng	
30	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 10.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông thôn mới của tỉnh Hải Dương.	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 271/QĐ-ĐHSD ngày 23/06/2023	25/06/2023	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Lan 2. ThS. Bùi Thị Trang	
31	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường Đại học Sao Đỏ.	TS. Phùng Thị Lý	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	7/6/2023	Đạt	1. ThS. Phạm Xuân Đức 2. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà 3. ThS. Phạm Thị Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
32	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học đã công bố Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hương	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	8/6/2023	Xuất sắc	1. ThS. Phạm Văn Kiên 2. ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
33	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 14.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng khóa học IC3 trên hệ thống học tập trực tuyến E-Learning của Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	16/6/2023	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2.ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
34	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	8/6/2023	Đạt	1. ThS. Phạm Thị Tâm 2. ThS. Phạm Thị Hương 3.ThS. Hoàng Thị An	
35	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Thị Tình	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	30/5/2023	Đạt	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa 2. ThS. Đỗ Thị Thùy 3. ThS. Đặng Thị Dung	
36	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Th S. Vũ Thị Lý	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	2023	Đạt	1. ThS. Đinh Thị Kim Thiết 2. ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	
37	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 09.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản trị đại học thông minh tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	2023	Đạt	1. ThS. Trần Thị Hằng 2. ThS. Ngô Thị Luyện 3. ThS. Lê Thị Huyền	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
38	14.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp về công tác kế toán tiền lương và bảo hiểm bắt buộc tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	Số 197/QĐ-ĐHSD ngày 21/5/2024	2024	Đạt	1. ThS. Đinh Thị Kim Thiết 2. ThS. Vũ Thị Lý	
39	15.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng giá trị văn hóa truyền thống của thành phố Chí Linh trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 197/QĐ-ĐHSD ngày 21/5/2024	2024	Đạt	1. TS. Phùng Thị Lý 2. ThS. Đỗ Thị Thuý 3. ThS. Đặng Thị Dung	
40	52.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 197/QĐ-ĐHSD ngày 21/5/2024	2024	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
41	10.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự ứng xử của dân cư địa phương với hoạt động du lịch tại tỉnh Hải Dương	ThS. Nguyễn Thị Thảo	Số 316/QĐ-ĐHSD ngày 25 tháng 6 năm 2024	2024	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Lan 2. ThS. Nguyễn Thị Xuyên	
42	02.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm dạy và học cho học phần tiếng Trung căn bản 2 tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2. ThS. Nguyễn Thị Lan 3. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
43	12.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Giải pháp marketing nhằm phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Vũ Thị Hường	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Nguyễn Thị Huế 2. ThS. Nguyễn Thị Thủy	
44	13.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Xây dựng giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
45	14.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại doanh nghiệp sản xuất nhôm trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Vũ Thị Lý	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Lương Thị Hoa 2. ThS. Vũ Thị Thanh Thủy	
46	15.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Trần Thị Mai Hương	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Đặng Thị Thanh 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh	
47	16.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ trong bối cảnh hiện nay	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Nguyễn Mạnh Tường 2. ThS. Trần Thị Hồng Nhung	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
48	17.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng trong giảng dạy học phần kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	TS. Phùng Thị Lý	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa 2. ThS. Phạm Thị Mai	
49	18.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác-Leenin cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Đỗ Thị Thùy	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. TS. Phạm Xuân Đức 2. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	
50	19.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyền hơi nữ sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hà Đình Soát	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Vũ Tiến Hiếu	

Bảng 7. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
1.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Hiền, (2019), “Sử dụng sơ đồ tư duy trong giảng dạy học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (63), tr 112-120.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Hiền
2.	Đặng Thị Dung (2019), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng quân du kích và vận dụng của Đảng bộ tỉnh Hải Dương trong kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1954)”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (63), tr 121-128.	1. Đặng Thị Dung
3.	Nguyễn Thị Lan (2019), “Phân tích đánh giá nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (64), tr 111-116.	1. Nguyễn Thị Lan
4.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Văn Đông (2019), “ Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (63), tr 117-122.	1. Phạm Văn Dự 2. Trần Thị Hồng Nhung 3. Nguyễn Văn Đông
5.	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo (số 4, 2019), “Ứng dụng phương pháp SC-FDMA để giảm PAPR trong truyền dẫn không dây tốc độ cao”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (64), tr 12-18.	1. Nguyễn Thị Quyên 2. Vũ Bảo Tạo
6.	Đỗ Văn Đình, Phạm Văn Kiên (2019), “Ứng dụng cây quyết định để xây dựng mô hình phối hợp nâng cáo chất lượng nhận dạng tín hiệu điện tim”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (64), tr 27-34.	1. Đỗ Văn Đình 2. Phạm Văn Kiên
7.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa (2019), “Tác động của chia sẻ chi phí trong bảo hiểm y tế tại Việt Nam”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ ISSN 1859-4190, Số 4 (67), tr. 62-70.	1. Nguyễn Minh Tuấn 2. Phạm Thị Hồng Hoa
8.	Nguyễn Thị Hương Huyền, Vũ Thị Lương (2019), “Phát triển kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ cho sinh viên ngành Việt Nam học trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (64), tr 71-78.	1. Nguyễn Thị Hương Huyền 2. Vũ Thị Lương

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
9.	Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Xuyên (2019), “Một vài đề xuất khi vận dụng từ Hán Việt trong giảng dạy từ vựng tiếng Hán giai đoạn sơ cấp”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ ISSN 1859-4190, Số 4 (67), tr. 86-92.	1. Nguyễn Thị Hoa 2. Nguyễn Thị Xuyên
10.	Nguyễn Thị Hiền, Phạm Thị Hồng Hoa (2019), “Ảnh hưởng của cách mạng xã hội đến sinh viên Đại học Sao Đỏ trong giai đoạn hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (64), tr 112-120.	1. Nguyễn Thị Hiền 2. Phạm Thị Hồng Hoa
11.	Nguyễn Thị Hải Hà, Phùng Thị Lý (2019), “Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở tỉnh Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (64), tr 121-128.	1. Nguyễn Thị Hải Hà 2. Phùng Thị Lý
12.	Đặng Thị Dung, Trịnh Thị Chuyên, Nguyễn Thị Tinh (2020), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 121-128.	1. Đặng Thị Dung 2. Trịnh Thị Chuyên
13.	Phạm Đức Khấn, Vũ Thị Lương, Nguyễn Huy Hoàn (2020), “Thiết bị đo nồng độ NH3 cho các trang trại chăn nuôi sử dụng vi điều khiển AVR”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 18-23.	1. Phạm Đức Khấn 2. Vũ Thị Lương 3. Nguyễn Huy Hoàn
14.	Vũ Thành Trung, Ngô Thị Mỹ Bình (2020), “Xác định hệ số khối lượng quay phục vụ việc mô phỏng động lực học chuyển động của ô tô”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 54-60.	1. Vũ Thành Trung 2. Ngô Thị Mỹ Bình
15.	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (2020), “Giải pháp đào tạo hướng dẫn viên du lịch chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp du lịch”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 97-105.	1. Nguyễn Thị Sao, 2. Tăng Thị Hồng Minh

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
16.	Phạm Xuân Đức (2020), “Học tập phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 113-119.	1. Phạm Xuân Đức
17.	Trần Hoàng Yên (2020), “Phát huy những giá trị tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của lệ làng trong việc xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 120-132.	1. Trần Hoàng Yên
18.	Nguyễn Mạnh Tường (2020), “Năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (70), tr 86-92.	1. Nguyễn Mạnh Tường
19.	Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Lan (2020), “Một vài suy nghĩ về việc dạy thành ngữ tiếng Hán cho sinh viên giai đoạn cao cấp”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (70), tr 108-114.	1. Bùi Thị Trang 2. Nguyễn Thị Lan
20.	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), “Chính sách an sinh xã hội của Thái Lan và một số bài học cho Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr 88-98.	1. Phạm Thị Hồng Hoa
21.	Nguyễn Thị Xuyên (2020), “Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học chữ đa âm trong tiếng Hán tại trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr 113-120.	1. Nguyễn Thị Xuyên
22.	Đặng Thị Dung (2020), “Tur tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới và sự vận dụng của Đảng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr 121-128.	1. Đặng Thị Dung
23.	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), “Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), tr 83-90.	1. Phạm Thị Hồng Hoa

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
24.	Đặng Thị Minh Phương, Trần Hoàng Yến, Tăng Thị Hồng Minh (2021), “Nghiên cứu thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường Đại học Sao Đỏ”, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), 91-98.	1. Đặng Thị Minh Phương 2. Trần Hoàng Yến 3. Tăng Thị Hồng Minh
25.	Phùng Thị Lý (2021), “Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), tr 123-128.	1. Phùng Thị Lý
26.	Phạm Thị Hồng Trang (2021), So sánh từ Hán Việt tốt nghĩa xấu nghĩa với gốc Hán, Tạp chí nghiên cứu và giảng dạy (Trung Quốc), ISSN0030-1996, Kỳ 14, trang 313	1. Phạm Thị Hồng Trang
27.	Nguyễn Thị Lan, Bùi Thị Trang (2021), “Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (73), tr 89-95.	1. Nguyễn Thị Lan 2. Bùi Thị Trang
28.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (2021), “Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (73), tr 121-128.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Tình
29.	Hoàng Thị An, Phạm Văn Kiên (2021), “Ứng dụng Detectron2 trong phân loại quả cà chua”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 24-30.	1. Hoàng Thị An 2. Phạm Văn Kiên
30.	Nguyễn Thị Hiền (2021), “Giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay trong điều kiện tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 92-100.	1. Nguyễn Thị Hiền
31.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Thị Mai (2021), “Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 110-119.	1. Đỗ Thị Thùy 2. Phạm Thị Mai

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
32.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Chương (2021), “Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỉ XVIII”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 120-128.	1. Phạm Văn Dự 2. Trần Thị Hồng Nhung 3. Vũ Văn Chương
33.	Nguyễn Thành Trung, Ngô Thị Mỹ Bình (2022), “Nghiên cứu đặc tính tốc độ của động cơ diesel hiện đại”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 28-33.	1. Nguyễn Thành Trung 2. Ngô Thị Mỹ Bình
34.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (2022), “Nguồn nhân lực Việt Nam - góc nhìn từ thực trạng giáo dục phổ thông”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 67-75.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Tình
35.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (số 1, 2022), “Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 92-99.	1. Vũ Thị Lương 2. Trịnh Thị Chuyên
36.	Phạm Xuân Đức (2022), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 106-112.	1. Phạm Xuân Đức
37.	Đỗ Thị Thùy, Đặng Thị Dung (2022), “Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng - liên hệ trong giảng dạy Triết học Mác - Lê nin tại Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 113-119.	1. Đỗ Thị Thùy 2. Đặng Thị Dung
38.	Nguyễn Minh Tuấn, (2022), “Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID tại Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 120-128.	1. Nguyễn Minh Tuấn
39.	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Hoàng Thị An (2022), “Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 19-18.	1. Nguyễn Thị Quyên 2. Vũ Bảo Tạo 3. Hoàng Thị An

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
40.	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (2022), “Bàn về phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp bền vững của một số vùng và hướng gợi mở cho Đồng bằng sông Hồng”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 71-77.	1. Vũ Văn Đông 2. Trần Thị Hồng Nhung
41.	Trần Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thảo (2022), “Phát triển du lịch bền vững thành phố Chí Linh trong xu thế hội nhập toàn cầu”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 92-100.	1. Trần Thị Mai Hương 2. Nguyễn Thị Thảo
42.	Nguyễn Thị Hải Hà (2022), “Giải pháp nâng cao chất lượng tự học học phần lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 58-107.	1. Nguyễn Thị Hải Hà
43.	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà (2022), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 108-114.	1. Phùng Thị Lý 2. Nguyễn Thị Hải Hà
44.	Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai, Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Huyền (2022), “Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Sao đỏ: thực trạng và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 115-122.	1. Nguyễn Thị Hải Hà 2. Phạm Xuân Đức 3. Phạm Thị Mai 4. Nguyễn Thị Hiền 5. Lê Thị Huyền
45.	Nguyễn Thị Nhan, Vũ Tiến Hiếu (2022), “Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 123-128.	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Vũ Tiến Hiếu
46.	Vũ Bảo Tạo, Đặng Văn Nam, Nông Thị Oanh, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2022), “Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 32-39.	1. Vũ Bảo Tạo 2. Hoàng Thị Ngát 3. Nguyễn Thị Ánh Tuyết

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
47.	Nguyễn Thị Sao, Nguyễn Thị Xuyên, Tăng Thị Hồng Minh (2022), “Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động marketing địa phương nhằm phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 98-106.	1. Nguyễn Thị Sao 2. Nguyễn Thị Xuyên 3. Tăng Thị Hồng Minh
48.	Trần Thị Hồng Nhung (2022), “Bình đẳng về giới trong gia đình ở nông thôn Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 107-114.	1. Trần Thị Hồng Nhung
49.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Hiền (2022), “Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 122-128.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Hiền
50.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa (2022), “Cơ hội và thách thức trong phát triển thương mại sạch hơn tại Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 74-81.	1. Nguyễn Minh Tuấn 2. Phạm Thị Hồng Hoa
51.	Nguyễn Mạnh Tường (2022), “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà đồi cho các hộ nông dân ở thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 82-86.	1. Nguyễn Mạnh Tường
52.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2022), “Dịch vụ du lịch của thành phố Chí Linh”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 93-99.	1. Trần Hoàng Yến 2. Đặng Thị Thanh
53.	Phạm Thị Mai, Đỗ Thị Thùy (2022), “Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 106-112.	1. Phạm Thị Mai 2. Đỗ Thị Thùy
54.	Đặng Thị Dung, Đỗ Thị Thùy (2022), “Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 113-120.	1. Đặng Thị Dung 2. Đỗ Thị Thùy

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
55.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (2023), “Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 103-109.	1. Vũ Thị Lương 2. Trịnh Thị Chuyên
56.	Vũ Văn Đông, Phạm Anh Dũng (2023), “Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 110-116.	1. Vũ Văn Đông 2. Phạm Anh Dũng
57.	Phạm Xuân Đức (2023), “Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 121-128.	1. Phạm Xuân Đức
58.	Phạm Xuân Đức (số 7, 2018), Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam	1. Phạm Xuân Đức
59.	Phùng Thị Lý (số tháng 4, 2019), Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường ĐHSĐ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý
60.	Phùng Thị Lý (số tháng 5, 2019), Liên kết giữa trường Đại học khối kỹ thuật với doanh nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Quản lý Giáo dục.	1. Phùng Thị Lý
61.	Phùng Thị Lý (số tháng 6, 2019), Yếu tố tác động đến hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp FDI ở vùng đồng bằng sông Hồng trong nguồn đào tạo nhân lực, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý
62.	Phùng Thị Lý (số 7, 2019), Hợp tác giữa trường Đại học với doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực hiện nay, Tạp chí Thông tin lý luận chính trị.	1. Phùng Thị Lý
63.	Phùng Thị Lý (số tháng 11, 2019), Một số quan điểm về hợp tác nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
64.	Nguyễn Thị Hải Hà (số 1, 2020), Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Vinh.	1. Nguyễn Thị Hải Hà
65.	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai (số tháng 4, 2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác -Lênin tại trường ĐHSĐ hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý 2. Nguyễn Thị Hải Hà 3. Phạm Xuân Đức 4. Phạm Thị Mai
66.	Nguyễn Thị Hải Hà (số tháng 5, 2023), Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Nguyễn Thị Hải Hà
67.	Vũ Thị Hường (số 18 tháng 9/2024), Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố Chí Linh	Vũ Thị Hường
68.	Vũ Thị Hường, Lương Thị Hoa (số 5 tháng 3, 2024), Thực trạng hoạt động tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2015 – 2022, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Lương Thị Hoa 2. Vũ Thị Hường
69.	Phạm Văn Dữ, Vũ Văn Chương (số 121 tháng 5, 2024), Tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh về phận sự của cán bộ và đảng viên trong tác phẩm “sửa đổi lỗi làm việc” sự vận dụng của đảng ta trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Nội Chính.	1. Phạm Văn Dữ 2. Vũ Văn Chương
70.	Phạm Thị Hồng Trang, Nguyễn Thị Lan (số 29, quý II.2024), Phương pháp dịch các yếu tố văn hóa trong học phần Biên dịch Trung - Việt tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí khoa học Quản lý và công nghệ.	1. Phạm Thị Hồng Trang 2. Nguyễn Thị Lan
71.	Vũ Thị Hường, Đẩy mạnh hoạt động E – Marketing trong phát triển du lịch chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương, (Số 2 (85), năm 2024), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Hường
72.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Trần Quý Chinh, Trần Cương (2024), Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Trần Quý Chinh 3. Trần Cương

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
73.	Nguyễn Thị Hải Hà (Số đặc biệt tháng 5/2024 (kỳ 1) Mã số ISSN 1859-3917), Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay. Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Giáo dục & xã hội.	1. Nguyễn Thị Hải Hà
74.	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Hải Hà (tháng 6/2024, kỳ 2, số đặc biệt mã số ISSN 1859-3917), Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc dưới ánh sáng đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tạp chí Giáo dục & xã hội.	1. Nguyễn Thị Nhung 2. Nguyễn Thị Hiền 3. Nguyễn Thị Hải Hà
75.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (Số 159 (220) tháng 6/2024 (kì 1) Mã ISSN 1859-3917), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Giáo dục và Xã hội.	1. Vũ Thị Lương 2. Trịnh Thị Chuyên
76.	Nguyễn Thị Huế (Số 16 tháng 8 năm 2024), Tăng cường xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP tại tỉnh Hải Dương, tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Huế
77.	Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Thủy (Số 17 tháng 6 năm 2023) Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam, Tạp chí kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Huế 2. Nguyễn Thị Thủy
78.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền (Số 19, 2024), Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
79.	Đinh Công Tùng, Lê Đăng Sơn, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nghiên cứu và xây dựng mô hình học sâu phát hiện dấu hiệu mệt mỏi trong quá trình học trực tuyến, Kỷ yếu Hội thảo về giảng dạy và nghiên cứu khoa học cơ bản năm 2024, Nhà xuất bản Giao thông vận tải - ISSN : 1859-2724.	1. Đinh Công Tùng 2. Lê Đăng Sơn 3. Nguyễn Thị Bích Ngọc
80.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền, Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, (Số 4 (87) năm 2024), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
81.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Đào tạo nguồn nhân lực số trong xây dựng và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, (Số 4 (83), 2023), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
82.	Ngô Thị Luyện (Số 17 tháng 6 năm 2023), Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam trước biến động kinh tế thế giới hiện nay, Tạp chí kinh tế và dự báo.	1. Ngô thị Luyện
83.	Ngô Thị Luyện, (Số 4 (87), năm 2024), Kiểm soát giá nhằm giảm tác động kép từ bão Yagi và dịp Tết Nguyên Đán trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Ngô thị Luyện
84.	Lương Thị Hoa, Nguyễn Thị Thủy (Số đặc biệt tháng 4 năm 2024), Thực trạng chất lượng lao động Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí kinh tế và dự báo.	1. Lương Thị Hoa 2. Nguyễn Thị Thủy
85.	Lương Thị Hoa, Thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Hải Dương và triển vọng trong những năm tiếp theo (Số 4 (87) năm 2024, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Lương Thị Hoa
86.	Lương Thị Hoa, Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam, Số 2 (81) năm 2024, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Lương Thị Hoa
87.	Nguyễn Thị Quỳnh, Vũ Thị Lý (Số 2 (85), năm 2024), Công tác kế toán tiền lương và bảo hiểm bắt buộc tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Quỳnh 2. Vũ Thị Lý
88.	Vũ Thị Lý (Số 2 (85), năm 2024), Nghiên cứu nhận thức và định hướng của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Sao Đỏ về nhân lực trong nền kinh tế số, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Lý
89.	Vũ Thị Thanh Thủy (Số 1 (84, năm 2024), Kiểm soát thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Thanh Thủy
90.	Đinh Thị Kim Thiết, (Số 1 (84, năm 2024), Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các dn sản xuất gạch tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đinh Thị Kim Thiết
91.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (Số 4 (83, năm 2023), Bàn về năng lực của giảng viên trong chuyển đổi số giáo dục đại học, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Minh Tuấn
92.	Phùng Thị Lý, Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới, tạp chí Kinh tế và dự báo.	Sách chuyên khảo, NXB Thế giới

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
93.	Phùng Thị Lý, Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay	Sách chuyên khảo, NXB KH&KT
94.	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông 2. Trần Thị Hồng Nhung
95.	Vũ Văn Đông (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông
96.	Vũ Văn Đông (Số 3 (82, năm 2023), Xu hướng chuyển dịch nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở Hải Dương hiện nay - những vấn đề đặt ra, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông
97.	Nguyễn Viết Tuấn, (Số 1 (85, năm 2024), (Feedback control of 2D -Navier-Stokes equations by finite determining parameters, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Viết Tuấn
98.	Nguyễn Viết Tuấn, (Số 4 (83, năm 2023), On the existence for cubic programming problems, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Viết Tuấn
99.	Nguyen Viet Tuan (2019), “Stabilization of 2D g-Navier-Stokes equations”, Commun. Korean Math. Soc, pISSN 1225-1763/eISSN 2234-3024, No. 3 (34), pp. 819–839.	1. Nguyễn Viết Tuấn
100.	Nguyen Viet Tuan, Tran Hoang Yen (2019), “On the weak stationary solutions to 2D g-Navier-Stokes equations”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (67), tr. 93-97.	1. Nguyễn Viết Tuấn 2. Trần Hoàng Yên
101.	Nguyễn Viết Tuấn (2020), “Nghiên cứu tính ổn định nghiệm của phương trình tích phân ngẫu nhiên”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr. 87-91.	1. Nguyễn Viết Tuấn
102.	Nguyen Viet Tuan (2020), “Stabilization of the weak stationary solutions to 2D g - Navier - Stokes equations”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr. 65-68.	1. Nguyễn Viết Tuấn

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
103.	Nguyen Viet Tuan (2022), “Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g-Navier-Stokes equations”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr. 51 - 56.	1. Nguyễn Viết Tuấn
104.	Nguyen Viet Tuan (2023), “Existence and nonexistence of solutions for a class of Hamiltonian strongly degenerate elliptic system”, Commun. Korean Math. Soc, pISSN 1225-1763/eISSN 2234-3024, No. 3 (38), pp. 741–754.	1. Nguyễn Viết Tuấn
105.	Nguyễn Thị Thủy (Số 1 (84, năm 2024), Giải pháp xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Thủy
106.	Đinh Thị Kim Thiết (Số 1 (84, năm 2024), Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất gạch Tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đinh Thị Kim Thiết
107.	Ngô Thị Luyện, Nguyễn Thị Ngọc Mai (Số 1 (84, năm 2024), Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Ngô Thị Luyện 2. Nguyễn Thị Ngọc Mai
108.	Vũ Thị Thanh Thủy (Số 1 (84, năm 2024), Kiểm soát thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Thanh Thủy
109.	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (Số 1 (84, năm 2024), Đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến sự kiện du lịch ở Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Sao 2. Tăng Thị Hồng Minh
110.	Phạm Xuân Đức (Số 1 (84, năm 2024), Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Xuân Đức
111.	Trần Thị Hồng Nhung (Số 1 (84, năm 2024), Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Trần Thị Hồng Nhung
112.	Phạm Văn Dự (Số 1 (84, năm 2024), “Đề cương văn hóa Việt Nam” nội dung và ý nghĩa, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Văn Dự

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
113.	Trần Thị Hồng Nhung (Số 1 (84, năm 2024), Quan hệ biện chứng giữa tính cách mạng và tính khoa học trong công tác tư tưởng của Đảng ta hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Trần Thị Hồng Nhung
114.	Nguyễn Thị Hiền (Số 1 (84, năm 2024), Bảo vệ nền tảng tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh chống lại quan điểm sai trái, thù địch của kẻ thù theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Hiền
115.	Vũ Thị Lý (Số 2 (85, năm 2024), Nghiên cứu nhận thức và định hướng của sinh viên khoa Kinh tế Trường Đại học Sao Đỏ về nhân lực trong nền kinh tế số, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Lý
116.	Nguyễn Thị Huế (Số 2 (85, năm 2024), Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Huế
117.	Vũ Thị Hương (Số 2 (85, năm 2024), Đẩy mạnh hoạt động E-Marketing trong phát triển du lịch chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Hương
118.	Nguyễn Thị Quỳnh, Vũ Thị Lý, Đinh Thị Kim Thiết, Đoàn Thị Thu Hằng (Số 2 (85, năm 2024), Công tác kế toán tiền lương và bảo hiểm bắt buộc tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Quỳnh 2. Vũ Thị Lý 3. Đinh Thị Kim Thiết 4. Đoàn Thị Thu Hằng
119.	Nguyễn Viết Tuấn, Nguyễn Kiều Hiền (Số 2 (85, năm 2024), Điều khiển phản hồi của phương trình 2D g-Navier-Stokes bằng các tham số xác định hữu hạn, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Viết Tuấn 2. Nguyễn Kiều Hiền
120.	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (Số 2 (85, năm 2024), Giáo dục trực tuyến - xu hướng đào tạo du lịch trong bối cảnh hội nhập phát triển kinh tế, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Sao 2. Tăng Thị Hồng Minh
121.	Nguyễn Thị Thảo (Số 2 (85, năm 2024), Đánh giá văn hóa ứng xử trong du lịch bằng phương pháp định lượng: Nghiên cứu các điểm du lịch tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Thảo

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
122.	Nguyễn Thị Nhan, Nguyễn Mạnh Tường (Số 2 (85, năm 2024), Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Nguyễn Mạnh Tường
123.	Nguyễn Thị Hiền (Số 2 (85, năm 2024), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Hiền
124.	Phạm Xuân Đức (Số 2 (85, năm 2024), Giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Xuân Đức
125.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh, Số 160 (221) tháng 7/2024 (kỳ 2) Mã số: ISSN 1859 - 3917, Làng văn hóa và xây dựng làng văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Giáo Dục và Xã Hội.	1. Trần Hoàng Yến 2. Đặng Thị Thanh
126.	Nguyễn Thị Huế, Số 16 tháng 8/2024, Tăng cường xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP tại tỉnh Hải Dương, Kinh tế và Dự báo.	1. Nguyễn Thị Huế
127.	Vũ Thị Hường, Số 18 Tháng 9/2024, Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố Chí Linh, Kinh tế và dự báo.	1. Vũ Thị Hường
128.	Đinh Thị Kim Thiết (Số 3 (86, năm 2024), Công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đinh Thị Kim Thiết
129.	Vũ Thị Hường (Số 3 (86, năm 2024), Nghiên cứu giải pháp phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại tỉnh Hải Dương - Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Hường
130.	Nguyễn Thị Thủy (Số 3 (86, năm 2024), Thực trạng ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Thủy
131.	Vũ Thị Lý, Nguyễn Thị Quỳnh (Số 3 (86, năm 2024), Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Lý 2. Nguyễn Thị Quỳnh

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
132.	Nguyễn Kiều Hiên (Số 3 (86, năm 2024), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian $L_1(R)$, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Kiều Hiên
133.	Nguyễn Mạnh Tường, Trần Thị Hồng Nhung (Số 3 (86, năm 2024), Nghiên cứu, vận dụng một số phương pháp giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Mạnh Tường 2. Trần Thị Hồng Nhung
134.	Vũ Văn Đông (Số 3 (86, năm 2024), Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông
135.	Nguyễn Mạnh Tường (Số 3 (86, năm 2024), Vận dụng tấm gương tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Mạnh Tường
136.	Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Mạnh Tường (Số 3 (86, năm 2024), Lý luận về sở hữu, vị trí, vai trò sở hữu tư liệu sản xuất của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự vận dụng của Đảng ta hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Trần Thị Hồng Nhung 2. Nguyễn Mạnh Tường
137.	Vũ Văn Chương, Phạm Văn Dự, Nguyễn Minh Loan (Số 3 (86, năm 2024), Tư tưởng của V.Lênin về vai trò của công đoàn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng tổ chức công đoàn thời kỳ đổi mới, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Chương 2. Phạm Văn Dự 3. Nguyễn Minh Loan
138.	Phùng Thị Lý, Số 163 (224), tháng 10/2024 (kì 2), ISSN 1859 - 3917, Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ đại học, Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý
139.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, e-ISSN: 2734-9365 (10/2024), Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai
140.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền, Số 19, tháng 10/2024. ISSN 1859-4972, Giải pháp phát triển các sản phẩm OCOP tỉnh Hải Dương, Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
141.	Hoang Thi Hoa, Tập 60 - Số 11E (11/2024), The relationship between gamification marketing and Gen Z sustainable decision: Role of Customer Experience, Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội.	1. Hoàng Thị Hoa
142.	Phùng Thị Lý, Số 164 (225) tháng 11/2024 (kì 2), ISSN 1859 - 3917, Phúc lợi doanh nghiệp với sự phát triển bền vững ở Việt Nam, Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý
143.	Ngô Thị Luyện (Số 4 (87, năm 2024), Kiểm soát giá nhằm giảm tác động kép từ bão Yagi và dịp Tết Nguyên đán tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Ngô Thị Luyện
144.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền (Số 4 (87, năm 2024), Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
145.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (Số 4 (87, năm 2024), Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Minh Tuấn
146.	Lương Thị Hoa (Số 4 (87, năm 2024), Thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Hải Dương và triển vọng những năm tiếp theo, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Lương Thị Hoa
147.	Nguyễn Thị Diệp Huyền (Số 4 (87, năm 2024), Sự không tồn tại nghiệm của một lớp hệ phương trình gradient elliptic suy biến, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Diệp Huyền
148.	Vũ Thị Thanh Thủy (Số 4 (87, năm 2024), Tăng cường đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Vũ Thị Thanh Thủy
149.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (Số 4 (87, năm 2024), Phát triển du lịch gắn với phát triển văn hoá ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Trần Hoàng Yến 2. Đặng Thị Thanh
150.	Vũ Văn Đông (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
151.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (Số 4 (87, năm 2024), Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Kim Nguyên
152.	Phạm Văn Dự (Số 4 (87, năm 2024), Quan điểm chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Văn Dự
153.	Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Đông (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Trần Thị Hồng Nhung 2. Vũ Văn Đông
154.	Tang Thi Hong Minh, ISSN 1859 - 3917 (12/2024), Regarding the controversies about the usage of “ạ” “nhé ạ”, “cái” “chiếc”, discuss the word uses of young Vietnamese people on social networks, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Tăng Thị Hồng Minh
155.	Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Đông, ISSN 1859-3917 (12/2024), Quan điểm của Lenin về sở hữu tư liệu sản xuất trong chính sách kinh tế mới và sự vận dụng của Đảng ta, Tạp chí Giáo dục và Xã hội.	1. Trần Thị Hồng Nhung 2. Vũ Văn Đông
156.	Nguyễn Thị Kim Nguyên, Số đặc biệt 02/2025, Mã ISSN 1859-4972, Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Kim Nguyên
157.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa (Số 1 (88, năm 2025), Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Minh Tuấn 2. Phạm Thị Hồng Hoa
158.	Vũ Thị Lý (Số 1 (88, năm 2025), Ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động kế toán quản trị tại các công ty may trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Lý
159.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (Số 1 (88, năm 2025), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi mua sắm tại Aeon mall Hà Đông, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai
160.	Vũ Thị Lý, Lương Thị Hoa, Vũ Thị Thanh Thủy (Số 1 (88, năm 2025), Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Lý 2. Lương Thị Hoa 3. Vũ Thị Thanh Thủy

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
161.	Nguyễn Thị Nhan, Phan Hoàng Đức (Số 1 (88, năm 2025), Vai trò của giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Phan Hoàng Đức
162.	Vũ Văn Đông, Vũ Văn Chương, Vũ Hồng Phong (Số 1 (88, năm 2025), Phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Hồng và những yếu tố tác động, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông 2. Vũ Văn Chương 3. Vũ Hồng Phong
163.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Thị Mai, Đặng Thị Dung (Số 1 (88, năm 2025), Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đỗ Thị Thùy 2. Phạm Thị Mai 3. Đặng Thị Dung
164.	Nguyễn Thị Hiền (Số 1 (88, năm 2025), Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Nguyễn Thị Hiền
165.	Phạm Xuân Đức (Số 1 (88, năm 2025), Chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Xuân Đức
166.	Vũ Thị Lý, Nguyễn Thị Quỳnh, ISSN: 0866 - 7756, Số 7 tháng 3 năm 2025, Thực trạng áp dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Công Thương.	1. Vũ Thị Lý 2. Nguyễn Thị Quỳnh
167.	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Số 625/GP-BTTTT số ISSN: 2815-5807 (tháng 4/2025), Cải tiến kiến trúc của mô hình học sâu cho bài toán phân loại u não trên ảnh cộng hưởng từ, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường Đại học Công nghệ Đông Á.	1. Nguyễn Thị Bích Ngọc
168.	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Số 625/GP-BTTTT số ISSN: 2815-5807 (tháng 4/2025), Ứng dụng học sâu dự đoán lưu lượng giao thông trên dữ liệu thời gian thực, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường Đại học Công nghệ Đông Á.	1. Nguyễn Thị Bích Ngọc

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
169.	Nguyễn Thị Thanh Bình, ISN 2815 - 5769: Số đặc biệt - tháng 4 năm 2025, Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường đại học hiện nay, Tạp chí Công dân và khuyến học.	1. Nguyễn Thị Thanh Bình
170.	Nguyễn Thị Nhan, Xuất bản tháng 05/2025, Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người khỏi đói nghèo: Cơ sở lý luận và định hướng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Nguyễn Thị Nhan
171.	Hoàng Thị Hoa, Số 09 tháng 5/2025 (904) - Năm thứ 58, Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi mua sắm hàng Việt trên các sàn thương mại điện tử, Kinh tế và Dự báo (Economy and Forecast review)	1. Hoàng Thị Hoa
172.	Phạm Thị Mai, Số đặc biệt tháng 5/2025, Xác định động cơ học tập cho sinh viên các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay - thực trạng và giải pháp, Tạp chí Giáo dục và Xã hội.	1. Phạm Thị Mai
173.	Vũ Hồng Phong, Vũ Văn Đông, Vũ Văn Chương, Số Đặc biệt tháng 5/2025, Những nhân tố ảnh hưởng và xu thế chuyển dịch nguồn nhân lực ngành nông nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay, Giáo dục và Xã hội.	1. Vũ Hồng Phong 2. Vũ Văn Đông 3. Vũ Văn Chương
174.	Lê Thị Huyền, số 603 (6/2025), Sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ tư vấn nghề nghiệp tại trường đại học, Kinh tế và dự báo.	1. Lê Thị Huyền
175.	Vũ Văn Chương, Phạm Văn Dự, ISSN 2815-6277/19/06/2025, Trường Đại học Sao Đỏ - điểm sáng trong công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, TC Quốc phòng toàn dân.	1. Vũ Văn Chương 2. Phạm Văn Dự
176.	Vũ Thị Hường, Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Thủy (Số 2 (89, năm 2025), Giải pháp Marketing nhằm phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn Tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Hường 2. Nguyễn Thị Huế 3. Nguyễn Thị Thủy
177.	Ngô Thị Luyện, Nguyễn Thị Ngọc Mai (Số 2 (89, năm 2025), Giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Ngô Thị Luyện 2. Nguyễn Thị Ngọc Mai

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
178.	Đinh Thị Kim Thiết (Số 2 (89, năm 2025), Kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh hải dương: thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đinh Thị Kim Thiết
179.	Nguyễn Thị Huế (Số 2 (89, năm 2025), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với hoạt động du lịch lễ hội tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Huế
180.	Phạm Thị Hồng Trang (Số 2 (89, năm 2025), Sử dụng trích đoạn phim trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của học sinh sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Trang
181.	Tăng Thị Hồng Minh, Trần Thị Mai Hương, Đặng Thị Thanh (Số 2 (89, năm 2025), Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Tăng Thị Hồng Minh 2. Trần Thị Mai Hương 3. Đặng Thị Thanh
182.	Tăng Thị Hồng Minh, Trần Thị Mai Hương, Đặng Thị Thanh (Số 2 (89, năm 2025), Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Tăng Thị Hồng Minh 2. Trần Thị Mai Hương 3. Đặng Thị Thanh
183.	Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Mạnh Tường (Số 2 (89, năm 2025), Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Hiền 2. Trần Thị Hồng Nhung 3. Nguyễn Mạnh Tường
184.	Nguyễn Thị Nhan (Số 2 (89, năm 2025), Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực số cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Nhan
185.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Xuân Đức, Nguyễn Thị Hải Hà (Số 2 (89, năm 2025), Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác – Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đỗ Thị Thùy 2. Phạm Xuân Đức 3. Nguyễn Thị Hải Hà
186.	Phạm Văn Dự, Vũ Hồng Phong (Số 2 (89, năm 2025), Giá trị thời đại của tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự vận dụng của Đảng ta trong	1. Phạm Văn Dự 2. Vũ Hồng Phong

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng Đảng hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	
187.	Ha Dinh Soat, Vu Tien Hieu (Số 2 (89, năm 2025), Research and application of supplementary exercises to enhance the performance of the female volleyball team of Sao Do University students, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Hà Đình Soát 2. Vũ Tiến Hiếu
188.	Hoàng Thị Hoa (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Hoàng Thị Hoa
189.	Ngô Thị Luyện (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Ngô Thị Luyện
190.	Nguyễn Thị Thuỷ (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Thuỷ
191.	Nguyễn Thị Huế (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Huế
192.	Vũ Thị Hường (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Hường
193.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai
194.	Vũ Thị Thanh Thuỷ (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Thanh Thuỷ
195.	Nguyễn Thị Quỳnh (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Quỳnh
196.	Vũ Thị Lý (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Thị Lý

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
197.	Lương Thị Hoa (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Lương Thị Hoa
198.	Đinh Thị Kim Thiết (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Đinh Thị Kim Thiết
199.	Vũ Văn Đông, Vũ Hồng Phong, Phan Hoàng Đức (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông 2. Vũ Hồng Phong 3. Phan Hoàng Đức
200.	Phùng Thị Lý (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phùng Thị Lý
201.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Minh Tuấn
202.	Phạm Thị Hồng Hoa (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Hoa
203.	Phạm Thị Hường (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Phát hiện viêm phổi trên ảnh x-quang bằng mô hình CNN, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hường
204.	Lê Ngọc Hòa, Nguyễn Phương Ty (Số đặc biệt: 90 (2/2025), PHợp tác của các cơ sở giáo dục đại học trong nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Lê Ngọc Hòa 2. Nguyễn Phương Ty

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Thương mại điện tử. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Kinh tế đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều giảng viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho giảng viên.

- Tiếp tục chọn cử giảng viên đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành. Đối với giảng viên ngành TMĐT dự kiến đến năm 2030 có thêm 03 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành TMĐT.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các hoạt động NCKH, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, hỗ trợ giảng viên đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

- Hằng năm, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng.

5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Nhà trường có đầy đủ đầy đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học.

5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học

Trường ĐHSĐ có 02 cơ sở đào tạo: Cơ sở 1 tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng; Cơ sở 2 tại Km 78, quốc lộ 37, Thái Học, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng. Diện tích 02 cơ sở là gần 27 ha. Hoạt động đào tạo chủ yếu tại cơ sở 1 với đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các trung tâm thực hành, thực nghiệm phù hợp đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT theo quy định hiện hành.

Nhà trường hiện nay có 121 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 847m². 100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho SV học tập. Có 10 phòng thi trắc nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền. Nhà trường có hạ tầng CNTT áp dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo, quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng

yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành Thương mại điện tử.

Nhà trường có các phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, các phòng học thực hành giảng dạy Tin học với các trang thiết bị thực hành tương ứng.

Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ <https://saodo.edu.vn/>. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT v.v...

Bảng 8. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (<i>Phòng học, phòng học thực hành</i>)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học lý thuyết	121	8470	Màn hình LCD, máy chiếu projector	121 bộ	Các học phần/môn học lý thuyết
2	Phòng học máy tính ứng dụng công nghệ	18	1170	Máy tính bàn, màn hình LCD	540 bộ	Các học phần/môn học về Tin học, ứng dụng công nghệ trong dạy học, thiết kế bài giảng điện tử ...
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	4	386	Máy chủ, máy tính cá nhân, máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, hệ thống phần mềm chuyên dụng	134 bộ	Các học phần rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ Nghe, nói, đọc, viết
4	Giảng đường đa năng	01	900 chỗ ngồi	Màn hình LCD, máy chiếu projector	01	Hội họp, học kỹ năng mềm

Bảng 9. Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo TMĐT

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Học phần/môn học sử dụng	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị và mục đích sử dụng	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 1							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100,	Việt Nam, 2019	1	Cái	Tiếng Anh 1, Trung căn bản 1, Tiếng Trung căn bản 2	Kỳ 3	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	Việt Nam, 2019	36	Cái				
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V-100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 2							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100,	Việt Nam, 2019	1	Cái	Tiếng Anh căn bản 2, Tiếng Trung căn bản 2, Tiếng Ah căn bản 3, Tiếng Trung căn bản 3	Kỳ 4 ÷ Kỳ 5	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	Việt Nam, 2019	36	Cái				
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
	Phòng thực hành Kế toán							
1	Ti vi LG 65 UQ7550PSE (65 inch)	Việt Nam, 2019	1	Cái	Kế toán doanh nghiệp 1, Nguyên lý Kế toán, Kế toán quốc tế, Bảo hiểm, Kế toán doanh nghiệp 2, Kế toán chi phí, Kế toán xây dựng cơ bản, Kế toán ngân sách và tài chính xã, Kế toán quản trị, Kế toán doanh nghiệp 4, Kiểm toán báo cáo tài chính, Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế. Kế toán tin, Phân tích báo cáo tài chính, Thực tập chuyên đề.	Kỳ 2 ÷ Kỳ 8	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn Sing PC I543.5F87	Việt Nam, 2019	36	Cái				
3	Máy tính FPT Elead S989 core i3	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Máy đếm tiền 2500	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Máy in	Trung Quốc, 2019	3	Cái				
6	Phần mềm Kế toán Misa	Việt Nam, 2019	1	Cái				
	Phòng thực hành Quản trị kinh doanh							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên (mã hiệu: VC 4690)	Việt Nam, 2015	1	Cái	Marketing căn bản, Thống kê doanh nghiệp, Khởi nghiệp kinh doanh, Kinh	Kỳ 2 ÷ Kỳ 8	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên (mã	Việt Nam,	40	Cái				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	hiệu: G2030)	2015			tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng, Luật Kinh tế, Lý thuyết thống kê, Pháp luật Kinh tế.			
3	Máy chiếu đa năng (mã hiệu: VL-2700)	Trung Quốc, 2015	1	Cái				
4	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra (mã hiệu: V-580AV)	Trung Quốc, 2015	1	Cái				
5	Thiết bị khuếch đại đường truyền Audio và phần mềm hỗ trợ (mã hiệu: V-580)	Trung Quốc, 2015	41	Cái				
6	Hệ thống âm thanh hỗ trợ (mã hiệu: V- 100)	Trung Quốc, 2015	1	Cái				
8	Phần mềm dùng cho học viên	Việt Nam, 2015	1	Cái				
9	Máy in LaserJet HP	Việt Nam, 2014	1	Cái				
10	Ti vi Sam Sung PS50A410	Việt Nam, 2009	1	Cái				
11	Bộ âm ly 3600-OMATON	Trung Quốc, 2013	1	Cái				
12	Loa cây JBL 2 bát 40 + Micro không dây + Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)	Trung Quốc, 2013	1	Cái				

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a. Thư viện

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để sinh viên tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

01 Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với trên 5.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, được kết nối với cơ sở dữ liệu Proquest Central thuộc Liên hiệp các Thư viện Việt Nam. Các phòng nghiệp vụ được trang bị hiện đại bao gồm: Không gian truyền thông sáng tạo, Không gian giao lưu học tập, Không gian đọc tra cứu, Phòng dữ liệu số, Phòng hội thảo, Phòng học liệu. Tại đây sinh viên được đắm mình vào không gian trí thức, đọc, nghiên cứu, giao lưu học tập và kết nối bạn bè bốn phương.

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với trên 5.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (<http://lib.saodo.edu.vn>), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 111 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (<https://hub.idk.org.vn>) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

* *Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng máy tính: 50 máy

- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử, khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet, thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

- Danh mục chi tiết các thiết bị được cho trong (Bảng 10).

Bảng 10. Trang thiết bị tại phòng đọc tài liệu điện tử

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1.	Máy tính đồng bộ Fujitsu	120	ĐNA	
2.	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3.	Wiless AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

* *Phòng đọc đọc tra cứu*

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.

- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

- Đối với giáo trình, sách tham khảo phục vụ các học phần/môn học của CTĐT ngành TMĐT dự kiến mở: trên cơ sở kế thừa các giáo trình, tài liệu học tập, sách tham khảo dành cho các học phần trong CTĐT ngành TMĐT và việc bổ sung hằng năm về tài liệu giáo trình, sách tham khảo của Nhà trường. Việc triển khai giảng dạy các môn học/học phần trong CTĐT ngành TMĐT dự kiến mở đảm bảo theo quy định (*Bảng 11*).

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 01.

- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.

- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính,...

Để phục vụ hoạt động học tập thể chất, nhu cầu thể dục, thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe cho viên chức, giảng viên, sinh viên. Nhà trường đầu tư xây dựng sân bóng đá cỏ nhân tạo với diện tích 3.300m², 02 sân bóng chuyền da, 03 sân bóng chuyền hơi, 03 sân cầu lông và 01 sân bóng rổ. Nhà thể thao đa năng với diện tích xây dựng 1.080m², được thiết kế 3 tầng với trang thiết bị, dụng cụ hiện đại phục vụ giảng dạy và luyện tập thể chất.

Như vậy, Trường DHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành TMĐT đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, công nghệ học liệu theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

Bảng 11. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần thuộc CTĐT Ngành TMĐT

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Triết học Mác - Lênin	CTRI 004	Kỳ 1	
2.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2009, Việt Nam	15				
3.	Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CTRI 002	Kỳ 1	
4.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin,	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2021, Việt Nam	15				
5.	Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph. Ăngghen	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam	15				
6.	Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam	15				
7.	TLHT Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CTRI 001	Kỳ 3	
8.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2021, Việt Nam	15				
9.	TLHT Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CTRI 003	Kỳ 4	
10.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2021, Việt Nam	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia, 2018, Việt Nam	15				
12.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2008, Việt Nam	15				
13.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2011, Việt Nam	15				
14.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2016, Việt Nam	15				
15.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2021, Việt Nam	15				
16.	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh,	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CTRI 005	Kỳ 3	
17.	GT Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2021, Việt Nam	15				
18.	TLHT Pháp luật đại cương	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Pháp luật đại cương	KHXX 006	Kỳ 1	
19.	Giáo trình Pháp luật đại cương	TS. Lê Minh Toàn	NXB Sự thật, 2021, Hà Nội	15				
20.	TLHT Tâm lý học đại cương	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tâm lý học đại cương	KHXX 010	Kỳ 1	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21.	GT Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Sư phạm, 2022, Việt Nam	15				
22.	TLHT Đại số tuyến tính	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Đại số tuyến tính	TOAN 015	Kỳ 1	
23.	Đại số tuyến tính và ứng dụng qua ví dụ và bài tập	Cung Thế Anh Nguyễn Như Quân Đào Trọng Quyết, Nguyễn Dương Toàn và Nguyễn Viết Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022	15				
24.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí Tạ Văn Đĩnh Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018	15				
25.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2010	15				
26.	Tài liệu học tập Giải tích	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2022	25	Giải tích	TOAN 017	Kỳ 1	
27.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí Tạ Văn Đĩnh Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018	15				
28.	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí Tạ Văn Đĩnh Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
29.	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Lý thuyết chuỗi	Đỗ Công Khanh Nguyễn Minh Hằng Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010	15				
30.	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Phương trình vi phân,	Đỗ Công Khanh Nguyễn Minh Hằng Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010	15				
31.	TLHT Xác suất và thống kê	ĐHSD	2024	25	Xác suất và thống kê	TOÁN 021	Kỳ 5	
32.	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB DH Quốc gia Hà Nội, 2012	15				
33.	Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2015	15				
34.	Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh Mai Ngọc Diệu Nguyễn Tài Hoa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	15				
35.	TLHT Tổ chức SX và QLDN	ĐHSD	2022	25	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp	KHXX 012	Kỳ 5	
36.	GT Tổ chức và định mức lao động	Vũ Thị Mai Vũ Thị Uyên	NXB DH Kinh tế quốc dân, 2019	15				
37.	GT Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Tài chính, 2022	15				
38.	TLHT Khởi nghiệp kinh doanh	ĐHSD	2022	25		KHXX 002	Kỳ 5	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
39.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền Ngô Thị Việt Nga	2020	15	Khởi nghiệp kinh doanh			
40.	TLHT Hệ thống thông tin QL	ĐHSD	2025	25	Hệ thống thông tin quản lý	QTKD 057	Kỳ 3	
41.	Hệ thống thông tin quản lý	Vũ Văn Giang	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019	15				
42.	Hệ thống thông tin quản trị - từ góc nhìn kinh doanh	Hà Nam Khánh Gia	Nhà xuất bản Tài chính, 2012	15				
43.	Kinh tế vi mô	ĐHSD	2022	25	Kinh tế vi mô	QTKD 013	Kỳ 2	
44.	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm Nguyễn Như Ý Trần Thị Bích Dung Trần Bá Thọ	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020	15				
45.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	Nguyễn Văn Dân Nguyễn Hồng Nhung	NXB Tài chính, 2014	15				
46.	Câu hỏi – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	Nguyễn Như Ý Trần Thị Bích Dung Trần Bá Thọ Nguyễn Hoàng Bảo	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020	15				
47.	Kinh tế vĩ mô	ĐHSD	2022	25	Kinh tế vĩ mô	QTKD 014	Kỳ 3	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
48.	Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Như Ý	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2021	15				
49.	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Dân	NXB Tài Chính, 2010	15				
50.	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	NXB Lao Động, 2010	15				
51.	TLHT Lý thuyết thống kê	ĐHSD	2025	25	Lý thuyết thống kê	QTKD 042	Kỳ 2	
52.	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	Nguyễn Thị Kim Thuý	NXB Lao động xã hội, 2012	15				
53.	GT lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	Chu Văn Tuấn Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính, 2008	15				
54.	Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	Chu Văn Tuấn Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính, 2008	15				
55.	TLHT lý thuyết tài chính	ĐHSD	2023	25	Lý thuyết tài chính	KETOAN 050	Kỳ 2	
56.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	NXB Kinh tế quốc dân, 2018	25				
57.	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	Lê Thị Tuyết Hoa	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2017	25				
58.	TLHT Kinh tế lượng	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Kinh tế lượng	QTKD 068	Kỳ 4	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
59.	Giáo trình Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật Phạm Văn Chứng Phạm Hoàng Uyên Võ Thị Lệ Uyên Lê Thanh Hoa	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021	15				
60.	Nhập môn Kinh tế lượng	Nguyễn Việt Khôi Nguyễn Quỳnh Nga	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	15				
61.	TLHT Thương mại điện tử	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Thương mại điện tử căn bản	QTKD 053	Kỳ 3	
62.	Thương mại điện tử căn bản	Trần Thị Thập, Nguyễn Trần Hưng	NXB Thông tin và truyền thông, 2020					
63.	GT Thương mại điện tử từ lý thuyết đến ứng dụng	Nguyễn Việt Khôi	NXB ĐH quốc gia Hà Nội, 2020					
64.	Thương mại điện tử hiện đại	Lưu Đan Thọ Tôn Thất Hoàng Hải	NXB Tài chính, 2015	15				
65.	TLHT Marketing căn bản	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Marketing căn bản	QTKD 001	Kỳ 4	
66.	Marketing căn bản	GS.TS.Trần Minh Đạo	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2010					
67.	Giáo trình Marketing căn bản	Vũ Thị Tuyết	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2020					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
68.	Giáo trình Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu Nguyễn Văn Trung Đào Hoài Nam	NXB Lao Động, 2014	15				
69.	Tài liệu học tập Thống kê doanh nghiệp	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Thống kê doanh nghiệp	QTKD 018	Kỳ 3	
70.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS. TS. Nguyễn Công Nhựt	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân					
71.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	TS. Chu Văn Tuấn	NXB Tài Chính					
72.	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam					
73.	Tài liệu học tập Thương mại quốc tế	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Thương mại quốc tế	QTKD 012	Kỳ 7	
74.	Giáo trình Thương mại quốc tế	TS. Trần Văn Hòe, TS. Nguyễn Văn Tuấn	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2014					
75.	Giao dịch Thương mại quốc tế	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thủy	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020					
76.	Tài liệu học tập Quản trị học	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024		Quản trị học	QTKD 009	Kỳ 4	
77.	Quản trị học	Trần Dục Thức	NXB Tài Chính, 2021					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
78.	Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2017					
79.	Quản trị học – Tóm tắt lý thuyết và câu hỏi trắc nghiệm	Trần Đăng Khoa, Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Bích Châm, Lê Việt Hưng, Lê Thanh Trúc	NXB Tài Chính, 2020					
80.	TLHT Nguyên lý kế toán	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Nguyên lý kế toán	KETOAN 060	Kỳ 3	
81.	Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Trần Văn Thuận, TS. Phạm Thành Long	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	15		KETOAN 060		
82.	Thông tư số 200/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	2014	15				
83.	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018	15				
84.	TLHT Pháp luật thương mại điện tử	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Pháp luật thương mại điện tử	KTS 008	Kỳ 3	
85.	Cẩm nang pháp luật về giao kết hợp đồng điện tử	Nguyễn Thị Mơ	NXB Lao Động, 2006	15				
86.	Phát triển hệ thống TMĐT	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Phát triển hệ thống TMĐT	TMDT 001	Kỳ 6	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
87.	Giáo trình Phát triển hệ thống thương mại điện tử	Nguyễn Văn Minh	NXB Thống kê, 2014	15				
88.	Giáo trình Thương mại điện tử	Đặng Văn Anh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	15				
89.	Quản trị thương mại điện tử	Nguyễn Văn Thoan	NXB Thống kê, 2019	15				
90.	Blockchain và ứng dụng trong KD	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Blockchain và ứng dụng trong KD	KTS 006	Kỳ 4	
91.	Giáo trình Blockchain và ứng dụng trong KD	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê, 2010	15				
92.	Giáo trình Blockchain và ứng dụng trong KD	Khoa CNTT Đại học Phương Đông	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022	15				
93.	Dữ liệu lớn trong kinh doanh	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Dữ liệu lớn trong kinh doanh	KTS 007	Kỳ 4	
94.	Giáo trình Dữ liệu lớn trong kinh doanh	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê, 2010	15				
95.	Giáo trình Dữ liệu lớn trong kinh doanh	Khoa CNTT Đại học Phương Đông	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
96.	Marketing thương mại điện tử	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Marketing thương mại điện tử	QTKD 043	Kỳ 4	
97.	Giáo trình Marketing thương mại điện tử	Nguyễn Hoàng Việt	NXB Thống kê, 2011	15				
98.	Kinh tế thương mại	Đặng Đình Đào Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014	15				
99.	Thương mại điện tử hiện đại	Lưu Đan Thọ Tôn Thất Hoàng Hải	NXB Tài chính, 2015	15				
100.	TLHT Thanh toán điện tử	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Thanh toán điện tử	TMDT 003	Kỳ 5	
101.	An toàn bảo mật hệ thống thông tin	Võ Đào Thị Hồng Tuyết	NXB Thống kê, 2020	15				
102.	An toàn hệ thống thông tin	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	An toàn hệ thống thông tin	TMDT 004	Kỳ 6	
103.	An toàn và bảo mật thông tin	Đàm Mạnh Gia Nguyễn Thị Hội	NXB Thống kê, 2021	15				
104.	Ứng dụng CNTT truyền thông và TMĐT trong DN	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Ứng dụng CNTT truyền	TMDT 005	Kỳ 6	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
105.	Ứng dụng CNTT truyền thông và TMĐT trong DN	Viện Tin học DN	NXB Bưu điện, 2009	15	thông và TMĐT trong DN			
106.	Bài giảng TMĐT căn bản	Trần Thị Thập	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, 2019	15				
107.	Thiết kế web	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Thiết kế website TMĐT	KTS 010	Kỳ 5	
108.	Thiết kế web	Thạc Bình Cường Vũ Thị Hậu	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	15				
109.	Sử dụng DHTML & CSS thiết kế web động	Lê Minh Hoàng	NXB Lao động - Xã hội, 2005	15				
110.	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	TMDT 006	Kỳ 7	
111.	Kỹ năng bán hàng trực tuyến	Jeb Bloun	NXB Công Thương, 2001	15				
112.	Bán hàng trong kỷ nguyên hợp tác và Marketing trực tuyến	Phạm Thị Thu Phương	NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội 2005	15				
113.	Tâm lý học ứng dụng trong KD	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25		TMDT 009	Kỳ 7	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
114.	Tâm lý học đại cương	Lê Thị Ánh Tuyết	ĐH Khoa học Xã hội và nhân văn	15	Tâm lý học ứng dụng trong KD			
115.	Tâm lý học lao động	Phạm Tất Dong	Viện khoa học Giáo dục, 1979	15				
116.	Tài liệu học tập Kế toán quản trị	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024		Kế toán quản trị	KETOAN 007	Kỳ 5	
117.	Kế toán quản trị	Huỳnh Lợi	NXB Tài chính, 2020					
118.	Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2019					
119.	Tài liệu học tập Kế toán tài chính	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024		Kế toán tài chính	QTKD 006	Kỳ 5	
120.	Kế toán tài chính	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018					
121.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	NXB Tài chính, 2018					
122.	TLHT Thị trường chứng khoán	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Thị trường chứng khoán	KETOAN 054	Kỳ 5	
123.	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	NXB Tài chính, 2020	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
124.	Thị trường chứng khoán	Nguyễn Thanh Phương	NXB Lao động - Xã hội, 2020	15				
125.	Luật chứng khoán Số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019	Quốc hội	2019	15				
126.	Tài liệu học tập Quản trị kinh doanh	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024		Quản trị kinh doanh	QTKD 044	Kỳ 5	
127.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008					
128.	Quản trị kinh doanh tập 1	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2017					
129.	Tài liệu học tập Quản trị chiến lược	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2022	25	Quản trị chiến lược	QTKD 020	Kỳ 7	
130.	Giáo trình Quản trị Chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2011	15				
131.	Quản trị Chiến lược	Jonh A.Pearce II, Richard B.Robinson	NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2022	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
132.	Bài tập Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	15				
133.	TLHT Quản trị TMĐT	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Quản trị thương mại điện tử	TMDT 002	Kỳ 7	
134.	Giáo trình Quản trị TMĐT	Chữ Bá Quyết	NXB thống kê, 2021	15				
135.	Quản trị dịch vụ TMĐT	Nguyễn Thu Hà	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021	15				
136.	TLHT Logistics trong thương mại điện tử	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Logistics trong TMĐT	TMDT 008	Kỳ 6	
137.	Giáo trình Quản trị Logistics	Đặng Đình Đào	NXB Tài chính, 2018	15				
138.	Logistic trong thương mại điện tử tại Việt Nam	Trịnh Thị Thu Hương Nguyễn Thị Bình Phạm Thanh Hà	NXB Công Thương, Hà Nội, 2020	15				
139.	TLHT Quản trị tác nghiệp trong TMĐT	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử	TMDT 010	Kỳ 7	
140.	Quản trị tác nghiệp bán lẻ B2C	Nguyễn Văn Minh	NXB ĐH thương mại Hà Nội, 2014	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
141.	Quản trị tác nghiệp bán lẻ B2B	Nguyễn Văn Minh	NXB ĐH thương mại Hà Nội, 2014	15				
142.	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Thực hành khai thác DL trên mạng internet	TMDT 405	Kỳ 7	
143.	Thực hành tác nghiệp thương mại điện tử	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Thực hành tác nghiệp thương mại điện tử	TMDT 406		
144.	GT thực hành tác nghiệp TMĐT	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	2022	15				
145.	TLHT Quản trị tài chính	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Quản trị tài chính	KETOAN 065	Kỳ 7	
146.	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệm Bách Đức Hiền	NXB Tài chính, 2019	15				
147.	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Phạm Quang Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	15				
148.	Tài liệu học tập Lập và phân tích dự án đầu tư	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Lập và thẩm định dự án đầu tư	QTKD 070	Kỳ 7	
149.	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	Phạm Thanh Long Vũ Thị Thanh Thủy	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
150.	Giáo trình Lập và thẩm định dự án đầu tư	Đỗ Phú Trần Tình	NXB Tài chính, 2019	15				
151.	Quản trị quan hệ khách hàng	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Quản trị quan hệ khách hàng	LOGISTIC 012	Kỳ 5	
152.	GT quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	Trương Đình Chiến Nguyễn Hoài Long	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2023	15				
153.	Giáo trình quản trị quan hệ KH	Ngô Thị Phương Anh	NXB Thông tin truyền thông, 2020	15				
154.	Quản lý quan hệ khách hàng	Nguyễn Văn Dung	NXB Giao thông vận tải	15				
155.	Giáo trình Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức	TS. Phạm Vũ Khiêm, TS Hứa Thị Thuỳ Trang	NXB Bách khoa Hà Nội, 2020	15				
156.	Tài liệu học tập Quản trị rủi ro	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Quản trị rủi ro	QTKD 027	Kỳ 7	
157.	CEO & Quản trị rủi ro,	Đặng Đức Thành	NXB Thanh Niên, 2021	15				
158.	Bài giảng Quản trị rủi ro	Phan Thị Thu Hà Lê Thanh Tâm Hoàng Đức Mạnh	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2019	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
159.	TNXH của doanh nghiệp	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025	25	TNXH của doanh nghiệp	QTKD 065	Kỳ 7	
160.	TNXH của doanh nghiệp	Lê Minh Tiến Phạm Như Hồ	NXB Tri Thức, 2022	15				
161.	TNXH của doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Thắng	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2015	15				
162.	Giao tiếp trong kinh doanh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2022	25	Giao tiếp trong KD	QTKD 003	Kỳ 5	
163.	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh tập 1 Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh tập 2	Nguyễn Văn Hùng	NXB tài chính, 2022	15				
164.	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong KD	Phạm Thùy Giang	NXB Dân trí, 2021	15				
165.	Kỹ năng giao tiếp trong KD	Trịnh Quốc Trung	NXB Lao động - Xã hội, 2012	15				
166.	TLHT Giao dịch và đàm phán kinh doanh.	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2022	25	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QTKD 040	Kỳ 6	
167.	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân	Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
168.	TLHT Quản trị văn phòng	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Quản trị văn phòng	QTKD 050	Kỳ 7	
169.	Giáo trình Quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Độ Nguyễn Ngọc Điệp Trần Phương Hiền	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012	15				
170.	Giáo trình Lý luận về quản trị văn phòng	Vũ Thị Phụng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021	15				
171.	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	Nguyễn Hữu Tri	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2006	15				
172.	TLHT Văn hóa kinh doanh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2022	25	Văn hóa doanh nghiệp	QTKD 051	Kỳ 5	
173.	Giáo trình Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Hoàng Văn Hải Đặng Thị Hương	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2022	15				
174.	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2011	15				
175.	TLHT Phương pháp NCKH	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	KHXXH007	Kỳ 5	
176.	Phương pháp luận NC khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Giáo dục, 2021, Việt Nam	15				
177.	Phương pháp NC khoa học	Phương Kỳ Sơn	NXB Chính trị quốc gia, 2021	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
178.	Phương pháp NC khoa học	Lê Huy Bá	NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2006	15				
179.	Tiếng Anh 1	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tiếng Anh 1	TANH 051	Kỳ 2	
180.	Real life - Elementary - Students' book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	10				
181.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK	10				
182.	Essential Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	10				
183.	Tiếng Anh 2	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tiếng Anh 2	TANH 052	Kỳ 3	
184.	Real life - Preintermediate - Students' book	Sarah Cuning Ham, Peter Moor	Pearson Longman, 2010	10				
185.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK	10				
186.	Advanced Grammar in Use	Martin Hewings	Cambridge University Press, 2005, UK	10				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
187.	Tiếng Anh 3	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tiếng Anh 3	TANH 053	Kỳ 4	
188.	Starter Toeics, 3rd edition	Anne Taylor & Casey Malarcher	Compass Publishing, 2019	10				
189.	Very Easy TOEIC introduction, 3rd edition	Anne Taylor Garrett Byrne	The Compass Publishing, 2007	10				
190.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2008	10				
191.	TLHT Tiếng Trung Quốc 1	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2021	25	Tiếng Trung Quốc 1	TTRUNG 022	Kỳ 2	
192.	Giáo trình chuẩn HSK 1	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018	10				
193.	Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018	10				
194.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019	10				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
195.	TLHT Tiếng Trung Quốc 2	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2021	25	Tiếng Trung Quốc 2	TTRUNG 023	Kỳ 3	
196.	Giáo trình chuẩn HSK 2	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018	10				
197.	Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018	10				
198.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019	10				
199.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019	10				
200.	TLHT Tiếng Trung Quốc 3	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2022	25	Tiếng Trung Quốc 3	TTRUNG 024	Kỳ 4	
201.	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019	10				
202.	Giáo trình chuẩn HSK 3 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019	10				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
203.	TLHT Tiếng Anh ngành TMĐT	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2025	25	Tiếng Anh ngành TMĐT	TANH 063	Kỳ 5	
204.	Bussiness English	John Taylor, Jeff Zeter	Express publishing, 2011	15				
205.	Upper intermediate business English practice file - New edition Market leader	John Rogers	Oxford university, 2006	15				
206.	TLHT Tiếng TQ nâng cao	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tiếng TQ nâng cao	TTRUNG 020	Kỳ 5	
207.	TLHT Tin học đại cương và chuyển đổi số	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	TINCB 006	Kỳ 2	
208.	Giáo trình Tin học đại cương	Nguyễn Thị Bạch Tuyết Trần Quang Yên Phạm Văn Minh Phùng Tiến Hải Trần Thanh Hải Trần Dũng Khánh	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024	15				
209.	“Phổ cập kỹ năng số cho sinh viên” trên nền tảng quốc gia Bình dân học vụ số.	Bộ Giáo dục và đào tạo	2025					
210.	Tài liệu học tập Kỹ năng mềm	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2024	25	Kỹ năng mềm	KNM 008	Kỳ 1, 2	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
211.	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi Nguyễn Thành Nhân	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020	15		KNM 009		
212.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia, 2010, Việt Nam	15				
213.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin, 2009, Việt Nam	15				
214.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	Lao động, 2017, Việt Nam	15				
215.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Hải Yến	NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2019	15				
216.	TLHT Giáo dục thể chất	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Cầu lông, Bóng đá	GDTC	Kỳ 1, 2, 3	
217.	GT giảng dạy môn bóng đá	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	25				
218.	GT giảng dạy môn cầu lông	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	25				
219.	Tài liệu học tập bóng chuyền hơi	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Bóng chuyền hơi			

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
220.	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lắm	Thể dục thể thao, 2006, Việt Nam	10				
221.	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	Thể thao và Du lịch, 2018, Việt Nam	10				
222.	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	ĐH Quốc gia, 2019, Việt Nam	10	Khiêu vũ			
223.	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, 2015, Việt Nam	10				
224.	Hướng dẫn chính thức luật chơi Pickleball toàn cầu	Liên đoàn Pickleball thế giới (IPF)			Pickleball			
225.	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Giáo dục quốc phòng và an ninh	GDQP	Kỳ 1, Kỳ 2	
226.	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Giáo dục, 2009, Việt Nam	15				
227.	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 2		Giáo dục, 2009, Việt Nam	15				
228.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013	25				
229.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013	25				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/ tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
230.	Tài liệu học tập Giáo dục học	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Giáo dục học	SP 001	Kỳ 3	
231.	Giáo trình Giáo dục học (tập 1)	Phạm Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lê Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng	Đại học Sư phạm, 2022, Việt Nam	20				

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành Thương mại điện tử đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, công nghệ học liệu theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSĐ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT dự kiến đào tạo, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường Đại học Sao Đỏ là Phòng Đào tạo và tuyển sinh và Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy định và quy trình đào tạo, công tác tổ chức giảng dạy, biên soạn giáo trình, công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học ngành TMĐT dự kiến đào tạo là Khoa Kinh tế với 25 năm kinh nghiệm giảng dạy 2 ngành học là Kế toán và QTKD và các học phần trong CTĐT các ngành của Trường đang đào tạo.

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Thương mại điện tử gồm các thành viên sau (Bảng 12):

*Bảng 12. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình đào tạo
Ngành TMĐT dự kiến*

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	TS. Phạm Thị Hồng Hoa, 23/05/1977, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế quốc tế	Quản lý chung
2	Ths. Vũ Thị Hường, 21/07/1984, Phó trưởng khoa	Thạc sĩ, 2009	Quản trị kinh doanh	Quản lý chung
3	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Mai, 24/02/1988, Trưởng bộ môn QTKD	Thạc sĩ, 2012	Quản trị kinh doanh	Cán bộ quản lý Bộ môn QTKD

7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường

- Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến các hoạt động của Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Công Thương, chịu sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của Bộ Công Thương, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của BGDDT. Chức năng và nhiệm vụ chính của Nhà trường là tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ KHCN phục vụ phát triển KT - XH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực tốt, trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác. Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm, các phòng thí nghiệm hiện đại, có nhiều trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đây là lợi thế để Nhà trường thực hiện nhiệm vụ và phát triển theo tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi đã đề ra.

- Những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch để khắc phục những thách thức đó

Bên cạnh những thuận lợi, Nhà trường còn gặp một số khó khăn, thách thức: Công tác tuyển sinh có sự cạnh tranh gay gắt; các nguồn lực của Nhà trường còn có những hạn chế do nguồn ngân sách cấp để đầu tư cho nguồn lực ngày càng ít; trình độ phát triển KHCN và yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của xã hội ngày càng cao.

Nhà trường không ngừng nỗ lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Để phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, Nhà trường đã và đang thực hiện đồng bộ những giải pháp chủ chốt như: Đa dạng hoá phương thức tuyển sinh, tăng cường các nguồn lực thông qua hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, đầu tư CSVC, trang thiết bị trọng tâm, trọng điểm, khai thác hiệu quả các nguồn lực để phát triển Nhà trường.

Việc mở đào tạo ngành Thương mại điện tử góp phần mở rộng quy mô, khai thác các nguồn lực sẵn có của Nhà trường, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Một số điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường, cách Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

Trường Đại học Sao Đỏ là Trường công lập trực thuộc Bộ Công Thương, với truyền thống 56 năm đào tạo có uy tín, được xã hội và các nhà sử dụng lao động tin nhiệm. Nhà trường triển khai đào tạo theo định hướng ứng dụng với phương châm học

đi đôi với hành, lấy kiến cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng, gắn quá trình đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp. Nhà trường có các phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm đều được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, tiên tiến, 100% được lắp đặt hệ thống điều hòa; Nhà trường có hệ thống đào tạo trực tuyến được tích hợp với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, hằng năm được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu quản lý, tổ chức đào tạo của Nhà trường. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo sự phát triển của KHCN, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2; có 09 CTĐT trình độ đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng BGDĐT ban hành. Hoạt động NCKH có nhiều thành tích cao. Với truyền thống 56 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn kỹ sư, cử nhân, cán bộ kỹ thuật trình độ cao góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khu vực và đất nước. Để không ngừng phát triển, Nhà trường tiếp tục khai thác các thế mạnh sẵn có không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước mà Đảng, Nhà nước giao.

Với thế mạnh về đội ngũ giảng viên với 25 năm kinh nghiệm trong đào tạo các ngành QTKD, Kế toán và CSVC phục vụ dạy và học của Nhà trường; nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành Thương mại điện tử tại địa phương và trong cả nước.

Việc mở đào tạo ngành Thương mại điện tử sẽ khai thác tốt những điểm mạnh và những cơ hội hiện có đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH hiện nay.

7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

CTĐT ngành Thương mại điện tử của Trường Đại học Sao Đỏ trình độ đại học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra như sau:

- Trường hợp tuyển sinh không đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành Thương mại điện tử là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên:

+ Trong trường hợp không tuyển sinh được, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo, ... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

+ Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học, luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- *Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với CTĐT ngành Thương mại điện tử dự kiến đào tạo*

Để nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín, vị thế của trường đối với xã hội, Khoa Kinh tế Trường Đại học Sao Đỏ định kỳ khảo sát nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT, bộ học liệu, cải tiến quy trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất phù hợp với sự phát triển của Khoa học công nghệ, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân sinh viên, từng giảng viên, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- *Sinh viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập*

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học. Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của từng sinh viên, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các nguyên nhân sinh viên bỏ học để có phương án hỗ trợ.

Sau mỗi kỳ học, giáo viên chủ nhiệm, Khoa thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phần, các điều kiện học tiếp của sinh viên,... kịp thời thông báo, trao đổi với sinh viên và tìm ra các nguyên nhân và hướng khắc phục, hỗ trợ.

Thiết kế CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học. Bồi dưỡng giảng viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong các hình thức và phương pháp giảng dạy nhằm thu hút và tạo hứng thú học tập cho sinh viên.

Nhà trường xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện. Có những chính sách hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên có kết quả học tập tốt,...

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Đối với các trường hợp sinh viên bỏ học do việc lựa ngành học chưa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân cần làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp.

Trường hợp sinh viên không theo kịp tiến độ đào tạo do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu, các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở kế hoạch học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT ngành Thương mại điện tử

Hiện tại Trường Đại học Sao Đỏ đủ điều kiện đáp ứng về đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử. Tuy nhiên, hằng năm Nhà trường/Khoa có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên, đặc biệt các giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

- Rủi ro về thị trường lao động

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và tự động hóa trong các lĩnh vực như quản lý dữ liệu, phân tích thị trường, marketing và quản lý chuỗi cung ứng có thể thay thế nhiều công việc trong ngành Thương mại điện tử, đặc biệt là các công việc mang tính lặp lại và dễ dự đoán. Các công cụ phần mềm quản lý doanh nghiệp, hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning), và trí tuệ nhân tạo có thể giảm nhu cầu nhân sự cho các công việc này.

Các xu hướng mới như kinh doanh trực tuyến, kinh tế chia sẻ, và mô hình kinh doanh linh hoạt yêu cầu các chuyên gia Thương mại điện tử phải liên tục thích nghi với môi trường thay đổi nhanh chóng. Do đó, các doanh nghiệp có thể chuyển sang những mô hình quản lý khác, làm giảm nhu cầu tuyển dụng cho các vị trí Thương mại điện tử truyền thống.

Những biến động kinh tế, như khủng hoảng tài chính hoặc suy thoái kinh tế, có thể làm giảm nhu cầu tuyển dụng trong ngành Thương mại điện tử. Các doanh nghiệp có thể cắt giảm ngân sách, thu hẹp quy mô và tái cấu trúc, điều này ảnh hưởng đến nhu cầu nhân sự trong nhiều vị trí quản trị.

Giải pháp xử lý tình huống rủi ro về thị trường lao động như cần khảo sát định kỳ nhu cầu của các nhà tuyển dụng để cập nhật CTĐT bảo đảm về kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Mặt khác, luôn giữ mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để giới thiệu việc làm, giới thiệu nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực Thương mại điện tử.

7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử dự kiến đào tạo.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo Thương mại điện tử để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập, rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà người học đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học, hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

8. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử, mã ngành: 7340122 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT- BGDĐT ngày 18/01/2022; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường ĐHSĐ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường, BGH;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS, KT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Văn Đình